

PHO
HONG
BAN
GUYET
SAN

LÊ - THANH

TRƯỜNG VINH KÝ

— BIÊN - KHẢO —

AM THƯ TÂM

Số 3

OP MỚI

PTÉMBRE

9 4 3



Số này : 0\$90

ỗi tháng 1 số

u Thuyết

và 1 số —

uyên San

Phô Thông Chuyên San
TÂN-DÂN XUẤT BẢN PHÁT HÀNH

Phô Thông Ban Nguyệt San

LOẠI TIỂU THUYẾT THANG SEPTEMBRE

VẾT CŨ

Tiểu-thuyết của MẠNH PHÚ-TƯ

«VẾT CŨ» là một cuốn tiểu thuyết tả những cảnh hủ bại ở thôn quê rất xác thực và rất linh hoạt. Tác giả phải là một người có mắt quan sát đứng đắn, và rất am hiểu hương tục mới sáng tạo được một tác phẩm có duyên-dáng như thế. Tôi chưa từng đọc một cuốn tiểu-thuyết nói về dân quê nào (kể cả tác phẩm của NGUYỄN CÔNG HOÀN, TRẦN TIỂU, NAM CAO v. v.) mà được vừa ý như cuốn truyện này của MẠNH PHÚ TƯ.

«VẾT CŨ» làm cho người ta nhớ đến những sách của PEARL BUCK nữ-sĩ viết về người dân quê nước Trung Hoa. Nhưng ở đây MẠNH PHÚ TƯ lại còn làm cho người đọc thêm phần hứng thú vì cái tài hài hước của mình (hài hước một cách ý nhị, chứ không sống sượng).

Truyện đọc vui từ đầu tới cuối. Tất cả những ai đã yêu Nguyễn công Hoàn nên đọc VẾT CŨ của Mạnh Phú Tư để mà so sánh lỗi vết của hai nhà tiểu thuyết ấy.

LÊ-THANH

TRU'ONG VINH KY

— BIÊN - KHAO —



Phô Thông Chuyên San
TÂN-DÂN XUẤT BẢN PHÁT HÀNH

Sách của Lê-Thanh

Nghiên cứu và Phê bình

Đã xuất bản:

— THI SĨ TÂN-ĐÀ

— VĂN NHÂN VÀ THI NHÂN VIỆT NAM

Tú Mỡ

— CUỘC PHÒNG VẤN CÁC NHÀ VĂN

Sẽ xuất bản

— VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

TỰA

Sách Tả-truyện cổ chép một câu rằng :
« Trên có bậc lập đức, dưới có bậc lập công
sau có bậc lập ngôn ; tuy mất đã lâu mà tiếng
vẫn còn : toàn là những người bất hủ. »

Nước ta có đức Trần Hưng-Đạo là bậc lập
đức, vua Lê Lợi và vua Gia Long là bậc lập
công, ông Phan phu-Tiên đời Trần và một vài
ông sứ thần nữa là bậc lập ngôn.

Vậy thì hạng người làm sách để dạy đời
là một hạng trong ba hạng người bất hủ ấy.

Ông Trương vĩnh-Ký có thể liệt vào hạng
người đó, vì không những Hán học uyên
thâm, Pháp học uyên bác, ông lại còn tinh
thông về các thứ chữ ở Viễn-đông như chữ
Cao-mên, chữ Xiêm, chữ Lào, chữ Ấn-độ :
thực là một nhà bác-ngữ uân-súc, nước ta
chưa từng có bao giờ.

Chỉ một quyển sử Nam chép bằng chữ Pháp
và mấy quyển truyện nôm dịch ra quốc-ngữ,

cũng đủ nổi tiếng là một nhà « lập ngôn bất hủ », thế mà ông lại còn làm biết bao nhiêu là sách, trong quyền của ông Lê Thanh — mà tôi giới thiệu ở đây — có kẻ đủ cả. Những sách ấy hiện vẫn có giá trị, quyền nào cũng có ý đủ, văn hay ; không phải là người có thiên tài học vấn thì không sao viết nổi.

Những truyện nôm như truyện Kiều truyện Phan Trần, mà ông dịch ra quốc-ngữ đầu tiên, tất cũng có chữ sai, nhưng không nên vin vào đấy mà phê-bình, vì chữ nôm của ta là một thứ chữ không có tự-điền, mỗi người viết một cách, khó lòng đọc cho đúng ngay : thử lấy một quyển nôm nào chưa ai dịch ra quốc-ngữ mà đọc xem, có lắm chữ không tài nào đọc nổi, thế mới biết cái tài học của Trương vĩnh-Kỷ đáng tôn trọng, đáng kính phục biết bao nhiêu.

Về Hán-văn ông có dịch bộ Tứ thư và quyền Minh tâm bảo giám ra quốc-ngữ, kẻ cũng có công với Hán học khi gần tàn, và tỏ ra là một nhà nho gồm cả văn học Âu Á, mà vẫn giữ được tính cách người Đại-Nam.

Nhông những làm sách, dịch sách mà thôi, ông lại còn giúp việc triều đình, hợp tác với ông Paul Bert ; trong quyền sách này, ông Lê Thanh chép rõ cả.

Ông Lê Thanh có đến tận quê hương ông Trương vĩnh-Kỷ, xem những gia-thư của ông

và trích-lục trong sách này. Tôi xem đoạn này ông Lê Thanh soạn cũng tinh-tế lắm, có nhiều đoạn mới chưa ai thuật lại bao giờ, nên tôi dám chắc rằng những người yêu sử nước nhà và yêu văn nước nhà đọc quyển này sẽ được như ý. Cả những bạn thanh-niên nữa vì sách này là sách tiểu-sử chép những sự-nghiệp lừng-lẫy của một nhà «lập ngôn bất hủ» của nước ta, một tay cự-phách trong văn-học đã nổi tiếng là một nhà sư-phạm biết treo một bức gương sáng cho ta soi chung.

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Những sách báo đã tham khảo để viết tập này

Pétrus Trương Vĩnh-Ký, *Erudit Cochinchinois* par Jean Bouchot 1925 (97 tr).

Dictionnaire biographique illustré du monde politique diplomatique et militaire des personnalités officielles et des membres des sociétés savantes.

S/ don Eugène Beauve. Paris (tr 358-367)

Lettre de Đông Khanh à Trương Vĩnh Ký (39 tr).

Palmarès 1929 - 1930 du Lycée Pétrus Ký, Discours d'usage prononcé par M. Roussel.

Sách chơi xâu giáp tuat 1934 (Nam-ky).

**Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel au Tonkin
Tome XVII 1937.**

**Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises Tome III
— 1928.**

Le Monde Colonial Illustré n° 146 - 1933.

**Nam Kỳ địa phận - (Tập chỉ tìm thấy trong gia thư
của Trương Vĩnh Ký — không biên số và ngày
tháng)**

« Đồng Nai » số 23 - 24

Văn học tập chí năm thứ 4 số 72

Khuyến học số 5 --- 1935 và số 15 --- 1936

Văn học tạp chí số 19 -- 1933

Album des publications par J. B. Trương vĩnh Ký
depuis 1881.

Bản chép những sách đã xuất bản của Trương vĩnh Ký
(viết tay)

Six mois de vie politique avec Paul Bert à Hué (thư
gửi cho P. Bert. Đánh máy 37 trang chưa xuất bản
— tài liệu gia đình).

Trương vĩnh Ký truyện (Bằng thơ, chưa xuất bản —
tài liệu gia đình).

Biên cho nhớ sự tích đời Trương vĩnh Ký (viết tay).

Catalogue des ouvrages publiés (bản viết tay — tài
liệu gia đình).

Báo Courrier de Saigon 3-9-1898.

Le Mékong 4-9-1898.

La semaine coloniale 6-9-1898.

Courrier de Saigon 7-9-1898.

Le Mékong 8-9-1898.

Nam Kỳ 8-9-1898.

Le biographe 1873 - 1874 Paris.

Nông cổ mín đàm 30-7-1907.

L'opinion 3-8-12 /1/1 quy 23-7-1907.

Trương vĩnh Ký hành trạng (Bằng thơ Liễn).

Trương vĩnh Ký (bài diễn thuyết của Nguyễn tiến Lăng).

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Đây là chỗ an nghỉ...

TRÊN con đường Sài-gòn, Chợ-lớn, bên tay phải, một miếng đất vuông vắn, xinh xắn, có cái bệ ngoài của một biệt thự. Du khách qua dọc mấy giòong chữ la-tinh đắp trên tường ngôi nhà bát-giác xây ở giữa, cảm thấy một rung động kín đáo, dừng bước cầu nguyện cho một linh hồn. Đây là chỗ an nghỉ của nhà học giả Việt nam. Trương vĩnh-Ký.

Cửa lúc nào cũng mở rộng du khách bước vào. Nhà bát-giác là mộ phần, trong cùng vườn, một ngôi nhà còn mới dựng theo một kiến trúc rất cổ, tàng trữ tất cả những cái có một quan-hệ lịch sử với Trương tiên-sinh.

Tôi đã đến đây hàng tháng, trong những chồng sách đã cũ, đồng giấy đã nát tìm kiếm tài liệu để viết tập tiểu-sử tiên-sinh.

Hôm nay cầm bút bắt đầu tập tiểu-sử này, tôi bàng-khuâng, ngần-ngại, muốn đặt bút xuống chờ một lúc khác có nhiều cảm hứng hơn. Bây giờ chắc tôi không làm được việc gì

vừa ý, những ý tưởng hiện tôi có, nếu tôi đặt trên giấy, sẽ không tỏ được một phần những điều tôi muốn viết.

Cái hình ảnh của Trương tiên-sinh tôi sẽ phác ra đây có phải đâu hình ảnh linh-động mà tôi đã dò được theo từng nét trong những chồng sách, tập giấy kia.

Phải mời các ngài, đi với tôi đến tận nơi cùng tôi đi sâu vào những tập thư, quyển nhật ký..... gần mực nát, phải được đặt trước các ngài một chồng giấy mỗi một hơn nửa phần bị gián nhấm, một đuc chỉ còn lơ lơ ít dòng chữ và mùi mực nhạt.

Các ngài mới có thể tìm thấy những nét tinh tế của cái tâm hồn mà từ trước đến nay hề nói đến là người ta cho là khó hiểu.

Còn gì có thể gọi cho người ta biết một tâm hồn hơn là những bức thư gửi cho người thân, những trang nhật ký ở trong ấy tất cả việc lớn nhỏ, những mâu tư tưởng, những niềm tâm sự.....

Hơn một lần, nghiêng mình trên trang di-cảo vàng úa, tôi cảm thấy tâm hồn tôi săn lại, khi thấy, bằng những dòng chữ rời rạc, tiên sinh ghi những nỗi lo phiền, buồn tủi..... tôi đã cảm thấy lạnh trong tâm hồn khi đọc mấy chữ mà trên ấy tôi nhận thấy sự đau đớn nhiều hơn sức mạnh, tôi được biết rằng, vì

quá tận-tụy cho nhà, cho nước, cho văn chương, tư tưởng mà tiên-sinh đã phải giã đặt bằng cả cái sức khỏe và sau cùng cả cái đời của tiên-sinh.

Nhưng có phải ai cũng có cái may mắn được đến đây để tìm cái tôi đã tìm và để có những cảm giác tôi đã có đâu (1) Nghĩ vậy tôi đành làm công việc theo sức lực của tôi. Mong các ngài sẽ rộng lượng đối với sự hèn yếu của ngòi bút tôi, thêm vào đây cả sự gay go của thời đại này nữa.

(1) Tôi thành thực cảm ơn ông Trương Vĩnh Tổng, thứ nam Trương tiên-sinh, đã hết sức giúp chúng tôi trong khi chúng tôi tìm tài-liệu tại nhà kỷ-niệm « Trương Vĩnh Ký », tại Chợ quán, đã mở cửa thư-viện gia-dình ở đường Frères Louis, Saigon, cho tôi xem nhiều giấy mà can hệ về Trương tiên-sinh, đã kể cho tôi nghe nhiều chuyện thuộc cái đời riêng của tiên-sinh. Ông đã dẫn tôi nên dè dặt trong khi lựa chọn tài-liệu. Tôi đã thận trọng chỗ ấy. Tuy vậy nếu có đoạn nào làm cho ông không vừa ý, chúng tôi xin lỗi trước và thừa rằng cái gì thuộc về Trương tiên-sinh đã thuộc về lịch-sử cả rồi. Mà cái gì đã thuộc về lịch sử đều đáng quý cả.

L. T.

Cuốn sổ bình-sinh

« Cuốn sổ bình-sinh công với tội »
T. V. K.

CUỐN sổ bình-sinh của Trương vĩnh-Ký mở đầu vào năm thứ mười bảy triều Minh-mạng cách đây đã hơn một thế kỷ (1). Sinh quán tiên-sinh ở tỉnh Vĩnh-long, huyện Tân-minh, tổng Minh-lý, làng Vĩnh-thành, Cai-mong.

Trương Chánh-Thị, thân-phụ tiên-sinh làm quan võ phủ nhà Nguyễn.

Trương vĩnh-Ký đứng thứ ba, người đầu, một chị gái mất đi từ khi còn ít tuổi, người thứ hai Trương Chánh-Sử cũng là một người thông minh, học rộng, sau này làm quan đến chức đốc phủ sứ.

Khi Trương vĩnh-Ký mới hai tuổi, thân sinh theo mệnh lệnh triều-đình lãnh binh đi đóng ở Nam-vang, thời bấy giờ là một nơi ma

thiênàng nước độc. Lên cung chức chưa được bao lâu thì thụ bệnh từ trần ở đấy.

Cảnh nhà bi thương, sự dưởng dục con trẻ ở tay một quả-phụ tên là Nguyễn thị-Châu.

Năm lên năm tuổi Trương vĩnh-Ký bắt đầu học chữ nho với cụ giáo tên là Học. Tuy vừa thông minh vừa ham học, Trương sinh cũng không theo được bao lâu cái nghiệp bút nghiên để bước lên con đường công danh bằng khoa cử.

Trương sinh được từ mẫu giao cho một linh-mục người Nam tục danh là « *Cụ Tám* » một người mà hơn chục năm về trước, khi quốc-triều đang nghiêm cấm đạo Gia-tô, đã được võ quan Trương Chánh-Thị che chở để thoát thân. Trương vĩnh-Ký bắt đầu học chữ quốc-ngữ (1845). Đáng lẽ cậu học sinh họ Trương được hưởng tất cả cái phần hương hỏa về thông minh và hiếu học của cụ Tám sau này, nhưng theo cụ chưa được bao lâu cụ đã mất để trả lại người sương phụ yếu ớt cậu học sinh mới lên chín tuổi.

Biết rằng dù mình săn sóc đến sự giáo-dục của con đến đâu cũng không được mười phần chu đáo, người liền cho con theo học một

nhà Truyền giáo người Pháp tục gọi là cổ Long mới đến đóng tại Cái Mòng (1).

Ngay từ buổi đầu, nhận thấy cái khiêu thông minh xuất chúng của Trương vĩnh-Ký, cổ Long không những dạy thêm quốc-ngữ mà còn bắt đầu dạy chữ la-tinh nữa.

Nhưng hình như giới đã định rằng một người đã có chí hơn người như thế thì không được ở yên một chỗ để học hành.

Trong nước, sự tàn sát những người có đạo Gia-tô lại nổi lên. Cổ Long với năm ba người học trò tùy tùng, trong số ấy có cả Trương vĩnh-Ký, phải tìm kế thoát thân. Có khi phải đội lốt nhà tu-hành, có lúc mặc y phục đám cưới, rồi nào dừ, nào võng, nào nghi lễ cứ thế mà qua hết rừng nọ đến sông kia (2) để ở yên được một chỗ trong ít lâu là cổ Long lại đem chữ la-tinh ra dạy. Vừa học, vừa chạy, vừa lo cho cái tính mệnh của mình, uôn luôn phơi trước sự tàn sát của người, của

(1) Theo cuốn « Trương vĩnh Ký truyện » (chưa xuất bản tài liệu gia đình) thì một hôm cụ Tám đưa Trương vĩnh-Ký đi chơi ở miền « Bãi san » trong những cảnh mây bạc bay treo núi Hang » mà tránh niệm nhớ cảnh gia hương mới xin với cụ về thăm nhà..... rồi lại đi; có lẽ cảnh biệt ly ấy đã khiến từ mẫu Trương vĩnh Ký nghĩ đến việc xin đem con về theo học cổ Long ở Cái Mòng

(2) Tiểu sử Trương vĩnh Ký = tài liệu gia đình.

thú dữ và bệnh tật. Thế mà Trương vĩnh-Ký học thông được chữ la-tinh và vài thứ tiếng ngoài quốc khác nữa. Sức học ấy có thể làm ngạc nhiên bất cứ một nhà giáo-dục nào.

Năm Vĩnh-Ký 11 tuổi, cố Long nghĩ đến việc tìm cho người học-sinh quý mến của cố một nơi yên ổn để học tập.

Trường Pinhalu ở Cao-Mên đã được nhận cậu học sinh sau này sẽ làm vinh dự cho cả trường ấy.

Trương-sinh được tiếp sức với học-sinh nhiều nước; một dịp cho Vĩnh-Ký học mấy thứ tiếng nữa: Siam, Diên-Điện, Tà, Lào, Cao-Mên, do mấy học-sinh chỉ bảo.

Cái xu-hướng về từ-ngữ học của Trương vĩnh-Ký có lẽ phát-nguyên từ đây.

Năm 1851 trường Pinhalu được tuyển ba học sinh xuất sắc nhất cho sang học tại một trường đạo lớn ở Pinang.

Vĩnh-Ký và hai bạn theo cố Long đi về kinh đô Cao-Mên, vua Cao-Mên cấp cho một đôi voi, quân lính đi hộ vệ và các đồ hành-lý cần dùng.

Sau mười ngày qua rừng núi, sông, ngòi, đôi voi cứ đứng đần ra đấy không chịu đi, đánh đập chúng nó, chúng nó chạy thẳng, đem theo tất cả hành-lý. Thầy trò lúc bấy giờ giữa nơi rừng rậm, không nơi trú ẩn, không đồ

ăn, nếu không may gặp được mấy nhà tu hành bản xứ và sau này mấy vị linh-mục tây thì sự gian nan còn ai có thể tưởng-tượng được (1). Đành phải đi đường Saigon, vì việc đi đã làm Vĩnh-Ký không được ghé qua Vĩnh-Thạnh thăm mẹ và anh, Vĩnh-Ký phải viết thư về trước mời mẹ và anh lên Thị-Nghè để được gặp mặt.

Mẹ con trò chuyện không được hai tiếng đồng hồ, rồi lại phải rút áo ra đi.

Rong rã ba tháng lưu-lạc, trông rừng, lênù dênh trên biển, sau khi vượt bao nhiêu hiểm trở, thầy trò đến Pinang.

Trương-sinh theo học trường đạo ở Pinang từ năm 1852 đến năm 1858, mười lăm đến hai mươi một tuổi, bắt đầu học chữ Hi-lạp, học lên bậc cao chữ la-tinh, được ba giải nhất về một cuộc thi luận bằng chữ la-tinh của một quan cai-trị người Anh đặt ra để thưởng học-sinh nào xuất sắc nhất (2).

Cũng ở Pinang Trương Vĩnh-Ký bắt đầu học chữ Pháp và một cách kỳ dị đáng kể ra làm gương cho học sinh sau này :

(1) Tiểu sử Trương Vĩnh Ký bằng thơ (tài liệu gia đình).

(2) Cuộc thi này có ba bài : bài thứ nhất hỏi về đạo mầu và lịch sử đức chúa Trời, bài thứ hai nghị luận văn chương, bài thứ ba thi phép toán và phép hóa. Hai kỳ trên hạn mỗi kỳ 25 trang giấy. Ba kỳ Trương sinh đều được nhất, các giới khen ngợi và được số tiền 1 0\$.

Một hôm dạo chơi trong vườn của nhà trường dưới sự hướng dẫn của thầy giáo. Trương-sinh nhặt được trên đường một tờ giấy có chữ Pháp viết bằng tay. Trương-sinh chú ý và lấy làm lạ khi nhận rằng, thứ chữ ấy gần giống chữ la-tinh bèn phỏng dịch ra tiếng la-tinh : đó là một cái thư gửi cho một vị giáo-sư trong trường. Trương-sinh đưa cái thư ấy và bản dịch cho thầy giáo xem làm cho thầy rất ngạc nhiên, tìm cho Trương-sinh ít sách vở một cuốn ngữ pháp và giúp đỡ cho trong việc học chữ Pháp.

Cũng trong thời kỳ ấy, nhờ có những bạn bè từ xứ tề-từ trong trường và những tờ báo mượn được đây đó, Trương-sinh học thêm được tiếng Anh, Nhật, Ấn-độ.

Sau sáu năm học ở trường Pinang ra, Trương-sinh phân vân, trở về tìm một nghề tự do thì không đành mà đem toàn thân và trí não ra để phụng sự tôn giáo thì chính tâm mình không thấy xu-hướng về đó ; cái tính thẳng thắn của Trương-sinh bắt không được dối mình và dối người.

Chẳng thà về làm bất cứ một nghề gì còn hơn là làm một thầy tu không thành thực.

Ở nhà ít lâu, năm 22 tuổi, vào giúp việc cổ Hòa là chỗ thầy trọ cũ ở Cai nhum. Trương-

sinh dạy chữ Pháp và La-tinh, chỉ định tìm cái vui trong sự an-nhàn của một nhà triết-học Á-đông.

Ý ông là thế nhưng đâu phải ý trời như ông thường nói. Ông chưa ra đời có thể nào đã quay lưng lại được với đời.

Năm Tự-Đức thứ năm (1852) nước Pháp cho binh thuyền sang đánh nước ta. Sau lấy được thành Gia-định (Sàigòn) ông Jauréguiberry coi đạo thủy-quân nhờ vị giám mục ở Sàigòn tìm cho một người thông thạo cả hai thứ tiếng Pháp Nam để tiện việc điều đình hai nước. Người ấy không ai hơn là Trương Vĩnh-Ký vậy.

Từ một viên thông ngôn nhỏ, sự khéo léo và chí quả quyết, tiên-sinh đã góp vào mình phận sự một nhà ngoại-giao. Làm thế nào cho người Pháp hiểu người mình, làm thế nào cho mấy nhà nho ta bỏ được cái óc vừa thẳng vừa cứng một cách khổ tâm, để có thể nhìn thẳng vào một sự thực: sự hèn yếu của người mình trước sự văn minh của người.

(1) Theo Bouchot, Trương Vĩnh Ký, *Eradit cochino-chinois*. Trong những tài liệu tìm được, về việc này có nhiều điều trái ngược. Theo một cuốn sách bằng quốc văn, khi Trương Vĩnh Ký ở Pinang về không có ý định gì về tương lai, cũng không biết gì về cảnh gia đình đất nước. Khi đến Cần vọt hỏi mới biết là binh thuyền nước Pháp đã lấy cửa Hàn (Đà-nẵng).

Một người Việt-Nam tín-đồ của Nho-Giáo

DẼ bắt đầu, tôi muốn nhắc lại đây một vài cảm tưởng tôi đã có cách đây mấy năm, sau khi đi dự thính một cuộc diễn thuyết về sự nghiệp của Trương Vĩnh-Ký. Ngày ấy, khắp Đông-dương, người ta kỷ niệm một trăm năm ngày sinh nhật của ông. Ở hội quán hội Khai-trí tiến-đức ra tôi còn giữ lại trong trí, không phải những lời hùng hồn của một diễn-giả có tiếng hời hợt giờ mà là hình ảnh một người Nam, tín đồ đạo Gia tô, ý nghĩ và hành-động gần người Pháp hơn người Nam.

Điều ấy ngày nay tôi cũng không lấy làm lạ. Vừa rồi, khi tôi ở Nam-kỳ, trong một cuộc họp mặt có mấy nhà văn và nhà báo, nói đến Trương tiên-sinh, tôi đã được nghe người ta nhắc lại hai tiếng « guide » và « éclairer ».

Người ta bảo, lên năm tuổi ông đã học chữ nho, học được vài ba năm, ông phải « bỏ

bút lông cầm bút sắt », và từ đấy vào học chữ La-tinh, chữ Hi-lạp, chữ Pháp ... trong học vấn, hành động tư-tưởng nhất nhất đều ở dưới sự kiểm soát của những nhà hành-đạo người ngoại quốc. Trong cái gia-đình Việt-Nam mà người chủ chỉ là người đàn bà yếu ớt đang chịu chua xót vì cảnh cô đơn, với mấy năm giáo dục cấy làm thế nào để giữ phần hơn được với bao nhiêu năm học vấn theo người đạo sau này.

Biết vậy, nhưng ông Trương vĩnh-Ký phải đầu là người chỉ trông vào sự học ở nhà trường. Cái trí thông minh phi thường và thứ nhất là lòng kiên nhẫn có một, đã giúp ông thông bao nhiêu thứ tiếng ngoại quốc, dĩ nhiên ông phải thông và thạo chữ nho, và dù ông là một môn đồ của đạo Gia tô, nhưng ngày ngày vẫn lui tới sân Trình của Khổng.

Cuộc đời của ông là một bản rập của những cuộc đời đã pháts trong các sách nho.

Hãy nói qua về đời riêng của ông.

Nhà ở thì có nào là « Đồ thơ phú », « Hãn mạc lân » nào « Dưỡng ninh », « Văn-bảo », nào « Nghi phong các », « Hạp lương đình ». Ta có thể so sánh mà không sợ sai lầm, với một ngôi nhà ở, một nơi hẻo lánh, trên đất Tàu cất riêng cho một người ẩn dật, đi tìm cái thú vui cho đời mình ở ngoài cuộc đời huyền ảo hàng ngày.

Tôi đã được nghe người thân của ông kể cho nghe, trong gia-đình ông thường tụ tập các con cháu lại đem những sách cổ ra giảng cho biết thế nào là hiếu, đễ, trung, hòa... Ông soạn hoặc dịch : *Kiếp người ta, Nết tặc, Mẹ dạy con, Mẹ dạy con gái làm dâu, Huấn nữ, Gia huấn, Bất cượng, thanh bĩ thái ca... Minh tâm bảo giác*..... mục đích dùng làm phương-tiện đúc chuốt đám sơ sinh theo khuôn mẫu nho giáo, và để làm « kim chỉ nam » cho mình đi trên con đường đời.

Trong sách vở của ông cũng như trong đời sống hàng ngày của ông, hễ có dịp là ông nhắc đến mấy câu trong Trung dung..... « Bất khả tư du lý, khả lý, phi đạo giả »;... Người ta không thể xa đạo lý, dù là trong giây lát, nếu người ta có thể xa như thế thì không còn là đạo lý nữa.

*Il y en (homme) a parmi l'élément confuciste
qui est foncièrement le mien pour la vie sociale.*

T. V. K.

Cái mộng tưởng của Trương vĩnh-Ký là suốt đời ông được là đồ môn Khổng, Mạnh, làm một thầy dạy học cho qua ngày tháng.

Ông cũng theo lời dạy của người xưa mà làm cái công việc « minh đức tân dân ». Công việc mà bất cứ một nhà nho nào cũng mơ tưởng.

Trai thì « tam cương ngũ thường », gái thì « tam tông tứ đức », đó là những điều mà không lúc nào ông bỏ không dạy mỗi khi có dịp gần một người hoặc một nhóm người mà ông có thể gây chút ảnh-hưởng.

Ta hãy giở qua tập nhật-ký chép những sự xảy ra trong đời ông, ông bắt đầu :

« Người đời sinh ki, tử qui, dằng đi muốn bước vắn vỏi lắm. Nhưng ai cũng có phận nấy,....thế cuộc bất khả vô danh vị, cũng phải làm vai tuồng mình cho xong đã mới ch,.... vô phong được. Đã sống ở đời tạm này, đã như hoa nở một hồi sượng sa, vạn sự đến chóng qua chóng hết, tan đi như mây như khói. Nên phải liệu sức tùy thì tùy phận mà làm vai tuồng mình cho xong. Những điều phải làm là : Trai thì trung hiếu năm giữ tam cương ngũ thường. Ăn ở mực thước ngay thẳng, lấy tâm làm lành lánh dữ, lấy phước đức mà đông mà lường, cứ nổi giữ nghiệp ông cha, lo làm ăn theo kịp thiên hạ, cứ an cư lập nghiệp, lấy sự an nhàn làm hơn, danh cường lợi tỏa đừng có cương cầu. Tinh ăn nết ở cho khiêm từ, nhỏ nhai, chẳng lay kiêu cách, chẳng ý thể thân. Ở với đời tin tin phòng phòng, tin cây chẳng là tin cây đặng Hóa công mà thôi. Cây như người là như nương cây lau,

cây dó, có ngày nó xóc đâm vào mình mà khốn : ở dưới đời này là chỗ trường đua, ai như nấy đi miếng giữ thế với nhau luôn.

Gái thì lo giữ tam tòng tứ đức cho vẹn toàn tử tế, dĩ nhiên phụ mẫu chi danh thì là quý. Còn những điều phải lánh là những tính mê nết xấu rượu trà cờ bạc, đào đĩ trai gái, bút xách hoang đàng, bất nhân ác nghiệp làm cho hư danh xấu tiếng ông bà, cha mẹ, cũng hư hại cho mình nữa. Khó, giàu phận nào cũng vậy, cũng phải thuận mạng, ai ở có nhân, có ngãi, chúa Trời đâu có phụ người lành ! phải nhẽ !

Vì nhơn nan ! Vì nhơn nan !

Anh em thuận hòa thương yêu giúp đỡ nhau luôn ».

Thật là xứng đáng những lời của một người đức chuốt trong cái khuôn Tứ thư, Ngũ kinh !

Ông là một người, từ khi nhỏ được giáo dục theo phương-pháp Âu tây, khi trưởng thành theo giúp việc người Pháp, được người Pháp trọng mến, đã lĩnh cái bậc đầu bội tinh của nước Pháp, thế mà bằng hữu viết thư giục ông, ông không nghe, vẫn kiang kháng từ chối để suốt đời được giữ bộ quần áo Việt nam và suốt đời là một người Việt nam thuần túy.

Kề cũng đáng lấy làm lạ.

« Người ta viết cho tôi ba kỳ thư liền nay đề báo tôi nhập Pháp tịch (những bằng hữu sẵn sóc đến phận mệnh của tôi). Tôi quả quyết từ chối : 1. Tôi không đổi ý kiến. 2. Làm như vậy tôi hành động trái với những huấn tắc trong bức thư tôi viết lên ông nghị của xứ Nam kỳ đề bày tỏ và giảng giải sự bất hợp thời của việc ấy. 3. Tôi sẽ bị người ta cho tôi là nhu nhược, nhút nhát, tôi đã phải làm như vậy, vì tôi sợ, muốn thoát thân ra khỏi một hoàn cảnh khó khăn. 4. Tôi sẽ không thể nào giúp ích cho nước Pháp, nước Pháp mà tôi là một phần tử và tôi phục sự từ bấy lâu, vì lẽ nhập tịch dân Pháp, tôi sẽ mất hết cả uy danh cả thể lực của tôi vì đã mất cả tín nhiệm của Vua, của Triều đình và của dân Việt nam ».

(On m'écrit depuis trois courriers de suite en m'engageant à me faire naturaliser (des amis qui s'intéressent à mon sort) je m'y refuse carrément 1. Je ne change pas d'opinion. 2. En le faisant, j'agis contre les principes que j'ai émis dans ma note sur l'inopportunité de la mesure demandée par le député de la Cochinchine. 3. Je serais taxé de pusillanimité, on dirait que je finis par le faire dans la crainte des dangers et en vue de me tirer dun mauvais pas ; 4. Je ne serais plus jamais

utile à la France que je sers et à laquelle j'appartiens car, étant naturalisé, je perdrais tout mon prestige, toute mon influence, n'ayant plus désormais la confiance du Roi, de la Cour du peuple annamite).

Thư gửi cho Père Siefert.

ngày 15-9-1888

Một nhà nho thức thời

SAU khi vua Gia-long thắng hà, sự giao thiệp giữa nước Pháp và nước ta trở nên rất găng.....

Tiếng súng rút, phần đông sĩ phu lại trở lại với cuộc đời hàng ngày của mình để hưởng an nhàn trong sự tin tưởng ở cái « năng lực kinh bang tế thế » của đạo học.

Có một số rất ít người có học, có quyền thế đã được những tiếng súng báo hiệu ấy đánh thức dậy, đem ra khỏi cái « nhà Không giáo » ấy, nhìn về Đông, về Tây :...

Ông Trương vĩnh-Ký là người đã hiểu cái tình trạng xã hội mà tôi vừa nhắc qua trên kia.

Ông hơn những nhà nho đồng thời ở chỗ ấy.

Đối với ông, nước Pháp là gì ? Có phải là một nước mà ông chịu ơn vì đã đem cho ông một học vấn, có phải một nước có một văn minh mà ông rất yêu mến ? Một điều ai

cũng phải công nhận là nước Pháp đã thắng nước ta, có quyền trên vận mệnh của nước ta. Chỉ có một hành động khôn khéo là nhận lấy tình thế rồi đem con mắt khắc kỷ ra mà nhìn, mà suy nghĩ để tìm lấy những phương pháp hành động hợp với tình thế ấy.

Bằng ngoại giao, ông mưu việc bảo tồn danh dự của vua, nước, trên sự điêu tàn của quốc gia. Ông muốn nhờ ở sự văn minh của người Pháp mà gây cuộc phục hưng cho tổ quốc, thứ nhất là để giải phóng cho người mình, về phương diện tinh thần, đang bị giam hãm trong một bầu không khí xã hội, chính trị, văn chương, đạo đức không hợp thời nữa.

Ông là một trong số những người đầu tiên ra bắt tay người Pháp, khuyến đồng bào phải thành thực cầm tay người Pháp đi trên con đường tiến bộ :

« Thưa các ngài.....tất cả các ngài đều nhận rằng nếu chính phủ Pháp muốn chiếm nước Nam thì chính phủ Pháp đã chiếm từ lâu rồi, và với một sự dễ dàng không ai chối cãi được. Các ngài tự biết rằng các ngài yếu quá đến phải cần sự giúp sức của một người nào mới cất đầu lên được ».

(Messieurs....vos êtes tous convaincus que si le Gouvernement français avait voulu s'em-

parer du pays, il y a longtemps qu'il aurait fait et avec une facilité indiscutable. Vous reconnaissez donc que vous êtes faibles, tellement faibles que vous avez besoin de l'aide de quelqu'un pour vous relever).

T.V K.

Và một khi đã gần người Pháp, phải làm thế nào để đem về cho nước mình nhiều lợi.

Học lấy cái văn minh của người Pháp.....

Về phần ông, muốn đặt một mục đích: truyền bá cái học Âu tây; ông lập tờ Gia đình báo, dịch những sách chữ Pháp ra chữ quốc-ngữ, những sách quốc-ngữ ra chữ Pháp dùng làm phương-tiện phổ-thông tư tưởng.

Ông đã tạo ra cho ông một sứ mệnh mà xuất đời không lúc nào là ông không đề ý đến, làm cái gạch nối liền hai dân tộc để hai dân tộc gần nhau và hiểu nhau hơn.

Trong một bức thư gửi cho Stanislas Me-nier, ông viết :

« Tôi chỉ có thể làm trung-gian cho hai dân tộc vừa gặp nhau ở đất Nam-kỳ. Tôi chỉ có thể làm cho hai dân tộc hiểu nhau, và yêu nhau vì vậy luôn luôn tôi đã dịch tiếng Nam ra tiếng Pháp và tiếng Pháp ra tiếng Nam, tin rằng theo sau tiếng nói, chữ viết, một ngày kia sẽ có cả ý tưởng và sau cùng cả sự hấp thụ văn minh của các ngài. Những quyền sách mà tôi dành

bạo gửi biếu ngài đây là kết quả sự nỗ lực ấy, và tôi hy vọng rằng vì cái chủ ý của tôi khi tôi viết nó, ngài sẽ dành cho nó một chút cảm tình ».

(Je ne pouvais que servir d'intermédiaire entre les deux peuples qui venaient de se rencontrer en Cochinchine. Je ne pouvais que permettre à ces deux peuples de se comprendre et de s'aimer ; aussi ai-je continuellement traduit de l'Annamite en Français et du Français en Annamite, persuadé que derrière le langage, derrière les mots, passeraient un jour les idées et bientôt pour nous, l'initiation à votre belle civilisation. Ces volumes que je me permets de vous envoyer sont le résultat de ce labeur et j'espère que vous leur réserverez bon accueil en songeant à la pensée qui m'a inspiré lorsque je les ai écrits).

Và trong một bức thư khác :

(Vous savez bien que tout être crée par Dieu a un rôle à remplir ici bas. Or le mien est d'être utile comme intermédiaire. Le courant général des événements donnent lieu à des complications diverses dans la grande société humaine. Il faut donc rendre les relations de ses membres plus facile et l'intérêt qu'elles offrent commun et profitable à chacun. Aussi, observateur des.....ai-je entrepris à l'aide de

mes connaissances spéciales, une tâche assez délicate, qui consiste à communiquer à tout le monde, surtout à mes compatriotes au moyen des publications, les connaissances pratiques nécessaires dans cette époque de transformation).

Đây là cả một chương-trình chính trị mà sau này, đã gọi là người thực giả, ai cũng không thể bỏ qua.

Ông Nguyễn văn-Vĩnh lập *Đông dương tạp chí*, ông Phạm Quỳnh lập *Nam phong* cũng không ngoài mục đích mà Trương tiên-sinh đã vạch ra.



Nói chuyện về cái đời làm chính trị và cái quan niệm về quốc-gia của Trương vĩnh-Ký, tôi đã được một người thân của Trương tiên-sinh bảo cho rằng:

« Ngài đã thấy Trương tiên-sinh giúp nước Pháp, tỏ lòng trung thành với nước nhà..... nhưng ngài đừng bắt Trương tiên-sinh thờ một tổ quốc nào. Trương tiên-sinh không còn là của một quốc-gia nào nữa ».

Những lời tôi mới nhắc lại đây đã làm cho tôi suy nghĩ.

Trương vĩnh-Ký đã thông thạo trên hai mươi thứ tiếng. Biết thêm một thứ tiếng là

một là một lần tâm hồn bị nước nói thứ tiếng ấy chiếm mất rồi.

Tâm hồn của Trương tiên-sinh đã vượt ra khỏi cái vòng chật hẹp của quốc-gia mà đi đến cái thế giới rộng rãi của nhân loại.

Và đó là cái công của cả một nền học vấn.

Nhà có học

DỌC qua bản kê những sách của Trương tiên-sinh đã xuất bản, ta nhận thấy cái sức sáng tác của tiên-sinh mãnh liệt và rộng biết chừng nào.

Tiên-sinh đã soạn từ quyển sách rất mỏng gồm có mười lăm trang giấy cho những học trò nhỏ ở thôn quê cho đến những sách khảo cứu những vấn đề uyên bác đáng mang tên ký của những bậc học giả có danh vị nhất ở thế giới.

Ngoài một số ít sách thuộc về từ-ngữ học, môn học sở trường của ông không kể, phần nhiều sách của ông hoặc soạn, hoặc dịch, hoặc chủ giải đều có một mục đích tức khắc : làm phương-tiện truyền bá sự học trong dân chúng.

Sống vào một thời đại đen tối của lịch sử, người thực thi và có nhiệt tâm vào ít, ông một mình đã gánh vác việc của bao nhiêu

người. Ông đã là một nhà cổ học, nhà sử-học, nhà từ-ngữ học....

Đáng chú ý là ở địa hạt này cũng như ở địa hạt khác, ở đâu ông cũng giữ được địa vị cao cấp của ông.

Tôi sẽ lần lượt nghiên-cứu về mỗi nhà học-giả ấy.

Ông Trương vĩnh-Ký là người đã khởi động một cuộc cách mệnh về học vấn. Giữa lúc ông đương theo học ở các trường do những người cổ đạo dạy theo phương-pháp Âu tây thì đồng bào ông vẫn theo lối từ-chương, mục đích độc nhất là khoa cử, tất cả những người đã gọi là trí-thức Việt-nam còn đều quay mặt về Bắc phương mà ngưỡng mộ những cái có quan hệ đến nho học, quên cả rằng ngay bên mình đang nát dần dưới sức mạnh của thời gian, cái di sản văn học Việt-nam.

Cái di sản mà một phần lớn đã hư hỏng mất mát đi nhưng nếu còn một mảnh nhỏ cũng đáng để ta giữ lấy một cách cẩn kính. Những mảnh nhỏ ấy, một khi một bàn tay khéo léo đem chắp nối rồi đoan sát có thể cho ta thấy như trong một chộp nhoáng một vài nét linh động của cái đẹp đã mất.» (1)

Ông Trương vĩnh-Ký đã nghiêng mình trên di sản ấy, tìm tòi những cái đẹp, cái hay giữ làm một cái « căn bản » Việt-nam.

(1) Nguyễn Văn Tố

Theo phương-pháp của những nhà bác-học, danh tiếng đã nghiên-cứu cổ học La-Hi, ông nghiên-cứu những bản văn nôm của ta còn lại.

Không một mặt nào là ông bỏ qua.

Bằng những lời chua có khi rất giản dị, ông làm sống lại cái thời đại có quan hệ đến áng văn đề gây cho áng văn bầu không khí của nó.

Những điển tích được ông chú giải rất kỹ càng khiến cho người không có một sức nho học cũng có thể hiểu được.

Những chữ mới, lối hành-văn, ông đem ra giảng giải phân-tích, vừa rõ ràng, vừa có thống lệ, người mình đọc có thể quen với lối dùng chữ và hành-văn kiểu mẫu của cổ nhân.

Cần hệ nhất là cái công việc so sánh, phê-bình đi ngược những tập sách có khi đã in theo lời thuộc miệng của một số người để tìm-nguyên bản của tác giả; ông đã cân nhắc từng chữ, từng câu.... Một chữ đây có cái giá trị của một viên đá, đã chịu bao nhiêu phong sương của một thành quách, một ngôi chùa cổ đang tiêu diệt.

Phải tìm giữ lấy những viên đá ấy dù bằng cách nào. Đem những viên đá mới hoạc

những viên đá nghi ngờ thay vào là làm một việc thất sách.

Mỗi tập sách lại có phụ thêm : một toát yếu như cái tinh túy đề tron của tập sách, bài thơ, những lời bình luận những văn thơ danh tiếng có quan hệ đến áng văn, đồng hợp giúp người đọc hiểu biết và phê phán dễ dàng hơn.



Chữ quốc ngữ của ta tuy đã có hơn hai trăm năm sống, nhưng từ trước vì nó chỉ là một phương-tiện truyền giáo của mấy cổ đạo nên nó chỉ được coi là một thứ tiếng có cái công dụng của những cỗ xe tạm thời đóng để chở tư tưởng, xong bỏ đi. Chưa bao giờ người ta nghĩ đem gầy nó thành một nền văn-chương Việt-nam.

Đang ở cái địa vị một đứa con xấu số bị đẩy dọa trong cái gia-đình trí thức, Trương Liên-sinh đem nó đặt ngang hàng với chữ nho và chữ Pháp trong sự học vấn.

Ông chép, dịch sách Tàu, Pháp, in thành những bản sách quốc-ngữ có mỹ thuật.

Vốn là người có thể lực bên chính phủ, thứ nhất là trong nha học chính, ông yêu cầu sự bỏ buộc học quốc-ngữ trong những trường tiểu học.

Lời yêu cầu của ông rất có hiệu quả. Và

lúc bấy giờ chính phủ Pháp đang muốn làm cho ta gần văn-minh Âu-tây.

Ở thư viện Nam-kỳ còn giữ được một bức thư của ông Paulin Vial viết cho một vị quan Bô tại Sài gòn năm 1866 đáng cho ta ghi chép lấy để sau này làm tài liệu cho cuốn lịch sử về học văn của ta.

« Ngay những ngày đầu, chúng tôi đã nhận rằng từ ngữ Trung-hóa là một cái hàng rào nữa ngăn chúng tôi với người bản xứ; dùng từ chữ tượng-hình làm phương tiện học văn, ngoài sức chúng tôi; từ chữ này nếu có thể dùng truyền dạy cho dân những điều cần biết, hợp với cái trình độ mới về chính trị và thương mại... thì cũng là việc rất khó khăn. »

Chúng ta xa văn minh Tàu và chữ Tàu, tất phải cho chúng ta một nền học văn và những phương-tiện học văn mới: chữ Pháp và chữ quốc-ngữ dĩ nhiên được đem thay dần vào chỗ chữ nho.

Ông dịch ra quốc-ngữ những sách chữ Pháp và chữ nho, diễn ra quốc-ngữ những bản văn nôm để phổ-thông trong đám dân gian.

Ông soạn sách giáo khoa bằng chữ quốc-ngữ để dùng dạy trong các trường.

Trong sự giao-thiệp hàng ngày có dịp là chẳng hề lỡ, ông cố xúi cho sự học chữ quốc-ngữ.

Sự cố động của ông liệu còn có kết quả gì. Thứ nhất là cái mục đích cuộc đời tinh thần của người mình lúc bấy giờ không phải là tương lai văn chương Việt-nam, mà là những kỳ thi hương, thi hội, trong ấy chỉ có chữ nho là được ứng-dụng.

Như vậy mà ông vẫn can đảm tiến hành. Và ông đã được mãn nguyện. Ngày nay nếu ông được trông thấy nền văn chương có thể gọi là phong phú của ta chắc ông phải mừng đó là một kết quả cái công việc của ông.



Ta nhận ở Trương tiên-sinh hai mục-dịch :
Đem ra ánh sáng cái di sản văn học của ta trước
để giữ lấy nó trong cái hình tượng trong trẻo
của nó, sau để làm khuôn mẫu cho người sau
phổ thông chữ nước nhà, đem nó làm phương-
tiện truyền bá tư tưởng và hy vọng một ngày
kia nó sẽ thành quốc-văn của ta, khỏi phải cái
tội đi học nhờ như trước.

Hai mục đích của ông được gồm trong một
công việc : diễn những bản văn nôm của ta ra
chữ quốc-ngữ sau khi đã nghiên cứu kỹ lưỡng
để có một bản gần với nguyên bản hơn hết.

Từ năm 1875 đến 1898, ông lần lượt xuất
bản :

*Gia huấn ca, Nữ tác của Trần hi Tăng,
Huấn nữ ca, Thơ mẹ dạy con, Thơ dạy làm*

dầu, Học trò khó phú, Bài kịch con qua, Phan Trần, Minh tâm bảo giám, Lục Vân Tiên.... và truyện Kim Vân Kiều.

Tập sau cùng này ông xuất bản năm 1875 có phụ thêm *Kim Vân Kiều phú*, *Thúy Kiều thi tập*, *Kim Vân Kiều án*, của Nguyễn văn-Thắng (có tựa bằng chữ Pháp).

Đó là bản Kiều in bằng quốc ngữ đầu tiên của ta. Tôi đã được đọc bản ấy trong thư viện trường Bác Cổ Viên đồng Hà nội.

Thúy Kiều truyện (1) :

Trăm năm (2) *trong cõi người ta*

Chữ tài chữ mệnh (3) *khéo là ghét nhau !*

(1) Trong bài tựa có một đoạn can hệ về chữ quốc-ngữ. Nguyễn văn :

Nous avons mis toute notre attention à en faire une transcription rigoureuse et l'orthographe précise que nous avons observée dans les accents comme dans les finales, pourra profiter, nous l'espérons, à ceux qui poursuivent l'étude et la connaissance du quốc ngữ. Cette forme du langage écrit, nouvelle encore, bien que comptant plus de deux siècles d'existence et destinée à faire marcher rapidement ceux qui s'y adonnent dans la voie des connaissances humaines.

(2) Đời người ta một trăm năm làm hạn, vì vậy « Ba vạn sáu ngàn ngày » « Bách niên giai lão ».

(3) Hữu tài vô mệnh, Hữu mệnh vô tài, tài mệnh tương đố. Hễ có tài thì không có mệnh, mà có mệnh thì không có tài, nên rằng tài mệnh ghét nhau.

Trái qua một cuộc bể dâu (1)
 Những điều trông thấy mà đau đớn lòng !
 Lạ gì bỉ sắc tư phong (2)
 Trời sanh quen với má hồng đánh ghen
 Kiều thẹn (3) lần dở trước đèn.
 Phong tình cổ lục còn truyền sử sanh
 Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,
 Bốn phương lẳng lặng hai kinh vững vàng (4)
 Có nhà vương ngoại họ Vương.
 Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung
 Một giai con thứ rất lòng,
 Vương quan là chữ nổi dòng nho gia
 Đầu lòng hai ả tố nga (5)
 Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân
 Mai cốt cách tuyết tinh thần (6)
 Một người một vẻ mười phân vẹn mười.
 Vân xem trang trọng tươi tười
 Khuôn lưng đầy đặn, nét người nở nang

(1) Tam thập niên vi nhất biến, thương hải biến vi tang điền, tang điền biến vi thương hải : chỉ cuộc đời hay đổi dời.

(2) Kia rít ấy chửi. Được cái kia ít thì cái ấy được nhiều, không cân nhau bao giờ.

(3) Sách hay, bả hay.

(4) Là Nam kinh với Bắc kinh. Bắc là Yên kinh Nam là Kim lăng.

(5) Nàng Tô Nga hay gả Hằng Nga là trăng cuội ở trên trăng. Chỉ là tiên, xinh, lốt.

(6) Cốt cách dịu dàng như mai, tinh thần trắng trong như tuyết.

Hoa cười, ngọc thốt đoan trang (1)
 Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
 Kiều càng sắc sảo mặn mà
 So bề tài sắc lại là phần hơn
 Gương thu thủy vớt xuân sơn (2)
 Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh ;
 Một hai nghiêng nước nghiêng thành
 Sắc đành đòi một, tài đành họa hai !
 Thông minh vốn sẵn tư (3) trời,
 Vẹn nghề thi họa đủ nghề ca ngâm
 Cung thương lầu bạc năm âm (4)
 Nghề riêng ắt đứt hồ cầm (5) một chương
 Khúc nhà tay lựa nên chương
 Một thiên bạc mạng lại càng nano nhân
 Phong lưu rất mực hồng quần,
 Xuân xanh sắp xỉ tới tuần cập kê (6)
 Ym mìm chương đủ màn che,
 Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

(1) Ngay thẳng, tử tế.

(2) Nấm hoành thu thủy mi, tợ vẩy sơn : con mắt trong như nước mùa thu, chàng mảy mảy như núi cối xa.

(3) Thiên tư, tánh trời cho.

(4) Là cung, thương, giác, trỉ, vô.

(5) Hồ cầm. Cái nguyệt cầm. Dáng nó khôi hên mọi Hồ bày ra nên lâu là Hồ cầm.

(6) Thập hữu ngũ niên nhi kê. Đến mười lăm tuổi gái mới giắt trâm, nên kêu tuần cập kê, là tới chừng mười lăm tuổi.

Cầm bản sách với những khuyết điểm trong sự biên chép và ấn loát, tôi cảm động như đứng trước những sự sơ suất của một anh nhĩ.

Những khuyết điểm ấy chứng tỏ một tấm lòng sốt sắng, nhất quyết vượt lên trên những nỗi khó khăn để cho ta có một bản văn của ta in bằng chữ của ta.

Không kể những sáng tác của ông, riêng đó cũng đã là một công nghiệp lớn đối với tiền đồ quốc văn mà sau này người ta có tượng đồng bia đá cũng không phải là quá đáng.

Một chút khoa học trong đời một nhà bác học

DÓ hình như là một cái mốt của những nhà bác-học Viễn-đông, chịu ảnh hưởng của nho học, mỗi người phải có trong sự nghiệp của mình một ít khảo-cứu về khoa học, thứ nhất là về y-học.

Ông Trương vĩnh-Ký từ khi còn ít tuổi, khi tâm trí còn đang bận về từ-ngữ học, cổ học... nói tóm tắt cả về văn học, ông đã tìm tòi về những vấn-đề khoa học.

Người ta nói đó là những sự tiêu khiển của ông. Tôi không tin thế. Tôi đã nhận thấy ở ông một xu-hướng rõ rệt về khoa ấy. Thứ nhất là khi xu-hướng ấy lại được nhà khoa học trứ danh Âu châu, ông toàn quyền Paul Bert khuyến khích.

Tôi đã được đọc, với tất cả sự mãn nguyện của tôi, những bài khảo cứu ngắn của tiên-sinh.

Trong những tài-liệu gia-đình tôi đã thấy bản thảo một bức thư không đề ngày, của tiên sinh gửi cho một bác sĩ ở Bostia. Thư viết bằng chữ Pháp bàn về vấn đề muốn sinh con trai hay con gái là tự ý người ta. Một vấn đề đã làm chảy bao nhiêu mực, và tổn mất bao nhiêu thì giờ của các nhà bác-học mà hình như ngày nay cũng chưa giải quyết được. Câu chuyện hãy còn hợp thời. Tôi trích ra đây để bạn đọc tò mò có thể biết ông lập luận thế nào và thứ nhất là biết được lối hành văn của ông khi ông phải bàn đến một vấn đề khó khăn :

« Bien cher Docteur,

Pour varier, je vous écris cette fois en français. Votre intéressante et aimable lettre du 9 Février dernier (1895) avec deux imprimés m'est parvenue le 9 Avril. Je vois par là que vous vous intéressez au sort d'un écrivain dépourvu de ressources et délaissé comme il... toujours au travailleur pour... les sciences. Je vous remercie de tout... cœur.

Puisque vous possédez une haute situation scientifique dans le MEDICAL CORPS du grand pays du Nouveau Monde, voulez-vous me permettre de vous communiquer ma théorie... enfants, garçons ou filles à volonté. Je vais vous raconter en quelques mots comment

cette découverte a été faite. En 1861, j'allais me marier. Il m'est venu à l'idée de rechercher les lois particulières à la procréation humaine.

Après avoir consulté les livres de médecine de l'Extrême-Orient et de l'Occident, je trouvais que les savants rodaient tout autour du point de la vérité sans oser le déterminer ou le fixer. Je me suis alors proposé dans mes combinaisons raisonnées d'arriver au résultat de mes recherches et de mes essais me basant tout d'abord sur le dualisme ou les *bina principia* ou *Âm dương*, principe mâle et femelle (principes opposés) altitif de la vie des hommes et de... choses : dans tout ce qui existe au... que chaque chose doit être... des lois particulières. Or la procréation... et de femelle est une des bases fondamentales... Il s'agit donc de les trouver... les médecins reconnaissent tous qu'il y a... l'ovaire de la femme des ovules mâles et des ovules... fonctionnement de ces deux éléments opposés... Il s'agit d'arriver à... le point de départ et la durée du... alternatif des deux éléments en question.

Une fois que j'ai déterminé et le point de départ et la durée (point X), je me suis marié. J'ai très bien réussi en alternant garçon et puis fille, et j'en ai fait un garçon, une fille.

un garçon et puis une fille et je continuais en faisant un garçon. Ce jour là, le Gouverneur, l'Amiral Duprés m'écrivit pour me prier de venir le voir. Il me chargea de lui trouver des perles d'or annamites pour ses deux filles. Je lui demandai : « Amiral, vous n'avez que deux filles et vous n'avez pas de garçon ? — Oui, malheureusement me répondit il... vous ne savez pas choisir les sexes et les... Il se mit à rire ; le Docteur Lacroix. . service de santé et son Chef de cabinet.. trouvaient là, se mirent aussi à rire. Je répondis avec satisfaction aux différentes objections de ces derniers... restaient incrédules comme... J'ajoutai alors comme... et comme je n'ai rien entamé... un autre enfant après le 5^e qui... je vais faire part de la... le voulez-vous ? Oui, oui, me répondirent tous ensemble. Eh bien vous la recevrez. En effet, 10 mois après ils recevaient la lettre de faire part de la naissance d'un garçon. Et puis j'ai voulu ne plus faire que des garçons. Les garçons sont tous venus à la file.

J'ai donné de temps en temps ma recette aux... qui me l'ont demandée et elle ont réussi aussi bien que moi. Je pourrai fixer le point de départ et donner ce qui voudrait dans..

des indications très simples, s'il... bien et s'il est... la réussite en serait sûre...

... que j'ai l'intention de démontrer à Paris en 1900 par des conférences publiques... faculté dont vous êtes membre... veut que... démonstrations de principes qui... j'en donnerais bien volontiers... adresse ci-joint le catalogue de... et deux volumes de mon livre d'histoire anamite avec ma photographie.

Veuillez croire,

Votre bien dévoué admirateur et collègue qui est honoré et heureux d'accepter votre haut parainage dans la vie des sciences universelles ». (1)

« Đề cho khác mọi bạn, hôm nay tôi viết bằng tiếng Pháp. Bức thư khả ái và đáng chú ý của ngài viết hôm mồng 9 tháng 2 mới rồi cùng với hai tập in đã đến tay tôi hôm mồng 9 tháng tư. Như thế thì ra ngài cũng thiết tha đến số phận một nhà văn vô sản và bị quên lãng cũng như... mãi mãi đối với kẻ làm việc cho... khoa học. Tôi hết lòng cảm ơn ngài.

Nhân vì ngài có một địa vị cao qui trong học giới một nước lớn ở Tân-thế-giới, ngài cho phép tôi đem trình ngài cái thuyết... con trai hay con gái theo ý muốn. Tôi xin vẫn tất kê lại đầu đuôi sự phát minh của tôi. Năm

(1) Những chỗ.. là gián nhấm

1861 tôi sắp lập gia-đình. Tôi có ý tìm tòi những luật riêng về sự sinh đẻ của loài người.

« Sau khi nghiên-cứu những sách y học đông, tây, tôi thấy rằng các nhà bác học chỉ mon men xung quanh một sự thực mà không dám minh định lấy.

« Hòa hợp mọi điều lại một cách có lý, tôi định đi đến kết quả của những sự tìm tòi và thí nghiệm của tôi trước hết bằng cách dựa vào sự tương phản của hai nguyên ủy âm, dương, nguyên ủy giống đực, giống cái (đối nhau)... của đời sống loài người và.... sự vật trong hết cả cái hiện có... rằng mọi sự đều phải là .. những định luật riêng. Và lại sự sinh đẻ .. và giống cái là một trong những nguyên lý.. Như vậy cốt phải tìm ra... những y sĩ đều công nhận rằng hươu trứng đàn bà có thứ trứng đực, thứ trứng... sự.... hai giao tử ấy ... Phải đi đến... khởi điểm và thời hạn của ... luân hồi của hai giao tử kia..

« Một khi mà tôi đã tìm được và khởi điểm và thời hạn (điểm X) tôi lấy vợ. Tôi đã thành công mỹ mãn khi liên tiếp sinh hạ, con trai rồi đến con gái, và tôi đã có một con trai, một con gái, một con trai rồi một con gái, và mới thêm một con trai. Có một hôm quan Thống Đốc là Thủy sư đô đốc Dupré viết thư mời tôi lên thăm ngài. Ngài cậy tôi kiếm những hộp vàng của người

Nam cho hai cô con gái. Tôi hỏi ngài: «thưa Đồ đốc, ngài chỉ có hai con gái chứ không có con trai».

«Vâng, buồn thay»... Ngài không biết chọn giống và... Đồ đốc liền cười; ông Bác sĩ Lacroix sờ Y tế cùng ông Chánh văn phòng có mặt ở đó cũng cười theo. Tôi lấy làm hài lòng mà đáp lại mọi lối bẻ bác của các ông này... vẫn không chịu tin như... Tôi liền hỏi thêm rằng: vì... và nhân tôi không đã động gì đến... một đứa con khác sau đứa thứ năm nọ... tôi sắp gửi giấy... các ngài có muốn thế không? Vâng, vâng.

— Họ đồng thanh trả lời tôi — tôi nói: Vậy thì các ngài sẽ nhận được. Quả nhiên 10 tháng sau các ông ấy nhận được thư báo tin một đứa con trai ra đời. Thế rồi tôi muốn chỉ toàn con trai. Chúng nó ra đời cả một giây.

Thỉnh thoảng tôi đem bí quyết ấy nói cho... họ hỏi tôi và họ cũng thành công như tôi. Tôi có thể định được *khởi điểm* và nói cho ai muốn biết... những lời chớ dẫn rất đơn giản, nếu người ta... và nếu họ là... sự thành công sự chắc chắn.

...Tôi có ý đem chứng minh thuyết của tôi ở Ba-lê năm 1900 trong những cuộc diễn thuyết giữa công chúng, trường Đại học mà ngài có địa vị muốn rằng... những lời diễn giảng về nguyên ủy... tôi vui lòng nói địa chỉ chính theo đây bằng... và 2 quyền Việt nam sử lược cùng với ảnh tôi.

Ngài hãy tin cho.

Người rất khám phục và người đồng sự được hân hạnh nhận ơn ngài đỡ đầu trong khoa học thế giới.

☪

Ở nhà kỷ niệm Chợ quán nay còn bao nhiêu dạng-bản nhưng khảo cứu về loại cỏ, loại chim, trái cây v. v...

Chỉ tiếc rằng những công việc đó bị ông bỏ dở. Nếu ông có đủ thì giờ để làm trọn những công việc ấy thì ngày nay, ta đã có những thiên khảo cứu mà cái giá trị không ai trời cãi được.

Để kết, tôi nhắc lại rằng ông đã được những viện khoa học có danh tiếng ở Pháp và Viễn đông mời nhập hội. Thật là một vinh dự cho ông và cho cả nước Nam ta nữa. (1)

Tôi trích ra đây làm thí dụ, một bài khảo cứu về loài kiến vàng đã đăng trong tờ Tùng San năm 1866 của *Nam kỳ nông công hội*. (Bản thảo còn giữ ở gia đình).

Saigon le 23 Février 1866

Monsieur le Président,

Le comité ayant témoigné le désir d'avoir quelques renseignements sur les fourmis rouges, (kiến vàng) à l'effet de connaître si elles sont réellement utiles aux orangers, pample-

mousses manguiers etc...je me suis em pressé d'étudier la question et d'approfondir autant que possible, les causes qui font regarder la fourmi rouge, comme indispensable à l'amélioration des arbres et des fruits. Je vais vous soumettre en quelques mots les résultats de mes observations.

Dans la province de Vinh long, surtout à Cai nhum et Cai mong mon pays natal, j'ai toujours remarqué que ceux qui cultivent les oranges, mandarines etc... ont bien soin de se procurer des fourmis rouges pour en peupler leurs abrisseaux Pourquoi ? j'étais trop jeune pour en demander le motif et puis, du reste, on ne s'étonne guère de ce que l'on voit tous les jours. Aujourd'hui, j'ai pu observer, interroger, sinon ma propre expérience, du moins celles des autres ; de cet examen est sortie une opinion que je crois fondée, et qui, je l'espère, aura d'un anime assentiment.

Dans ce pays, comme dans tous les pays du monde, les arbres et les plantes sont sujets aux attaques d'insectes nuisibles qui rongent leurs racines, leurs branches et leurs fruits. Parmi ces insectes, j'en citerai deux particuliers à la Cochinchine : les fourmis noirs appelés *kiến hói* et surtout un petit ver connu des Annamites sous le nom de *con ray*.

Ces ennemis de la végétation s'attachent partout aux arbres aux branches et aux fruits. Les tiges, les bourgeons subissent une influence presque mortelle, qui se communique, naturellement aux fruits bientôt ces derniers ne tardent pas à se dessécher, l'écorce épaisit et par contre, le noyau diminue. Ce phénomène peut s'expliquer ainsi : l'insecte absorbant la sève, le liquide qui doit alimenter le fruit, l'enveloppe se relâche car la pression qui s'exerce sur ses parois internes, si elle recevait tout le suc nécessaire, diminue ; dès lors l'écorce n'étant plus tendue et gonflée par le liquide qui le vivifie, le principe qui la fait croître, elle augmente d'épaisseur intérieurement sans augmenter de volume à l'extérieur, de sorte que les tranches intérieures au lieu de grossir commencent à décroître et à se dessécher. Cet épaissement de l'écorce lorsque au contraire, la pulpe dépérit, provient sans doute de ce que l'insecte n'attaque que les vaisseaux correspondant à cette pulpe que la quintessence du fruit, tandis qu'il laisse de côté et rejette ce qui ne lui convient pas, c'est-à-dire le sucre destiné à nourrir l'écorce.

Ces *con ray* sont encore plus nuisibles que les fourmis noirs (*kien ho*). Leur but étant le même, il vivent en assez bonne intelligence. Un seul ennemi, un ennemi commun, le trou-

ble dans leurs goûts destructeurs en leur faisant une guerre acharnée : ce sont les fourmis rouges ; (*kien vang*). Voilà pourquoi elles sont nécessaires, voilà pourquoi on les recherche.

Ces con ray, faibles et inertes, sont incapables de résister. Quant aux fourmis noirs (*kien hoi*) elles combattent presque avec acharnement et restent parfois maîtresses du champ de bataille lorsqu'elles sont supérieures en nombre. Leur arme la plus terrible est un jet d'urine qu'elles lancent sur leurs ennemis : les fourmis rouges sont parfois aveugles et la douleur est si cuisante qu'elles en meurent.

Aussi, avant de transporter les fourmis rouges sur les orangers et les autres arbustes, doit-on avoir soin d'en expulser les fourmis noires. . . Le moyen est des plus faciles, l'on n'a qu'à mettre un appât sur le tronc d'arbre, en éloignant au fur et à mesure qu'elle se rendent à l'invitation, la matière qui les attire, l'ont parvient bien vite à les chasser de l'endroit.

Pour transporter les fourmis rouges d'un lieu à un autre, on coupe leurs nids qu'on laisse en entier, on les met dans des paniers finement tressés qu'on ferme avec soin. Si l'on était obligé de faire un long voyage en bateau, par exemple, pour se garantir de la morsure de quelques vagabonds qui pourraient s'échap-

pier, on n'aurait qu'à former une mince ceinture de vase molle autour du panier ou d'en étendre à la place qu'on voudrait occuper, ce serait une barrière infranchissable.

Elles craignent aussi beaucoup les cendres, ainsi quant est obligé de monter sur un oranger, un manguier, ou un jacquier, on doit avoir la précaution d'en mettre dans les poches ou dans un petit sac. S'entant l'arbre secoué, elles s'empressent de quitter leur asile pour se diriger du côté d'où vient le bruit et châtier celui qui vient les troubler. Alors on n'a qu'à leur jeter un peu de cendres : aussitôt soit effrayées, soit aveuglées, elles battent bien vite en retraite et se laissent tomber à terre.

Tels sont les renseignements que j'ai pu obtenir on peut en conclure que la fourmi rouge est non seulement utile, mais encore indispensable à la culture des plantes et des arbustes quant on veut obtenir de bons résultats.

P. Truong vinh Ky

Nhà sư-phạm

DÃ có lúc tôi nghĩ nếu Trương Vĩnh-Ký không có những công trình về văn học chắc cái địa vị của ông trong xã hội ta cũng không đảm đi mấy chút.

Và hình như ông đã chỉ sống về sự nghiệp chính trị. Sự nghiệp ấy đã được người ta đem phơi giải ra ánh sáng một cách nhiệt thành.

Bình sinh ông chỉ muốn được như người xưa làm cái công việc minh đức tân dân trong phạm vi một nhà giáo dục.

Năm 22 tuổi, ở Pinang về, ông đã theo cổ Hòa đi dạy học, lấy nghề ấy làm kế sinh nhai và làm cố tránh những công việc không hợp với chí hướng của mình. Ông tưởng ông sẽ sống cái đời ấy mãi mãi, phẳng lặng, nhưng tự do, cho đến lúc bắt đầu chuỗi ngày tàn của ông. Nhưng đó chỉ là ý định của ông.

Từ một viên thông ngôn được chú ý, ông được đặt lên địa vị một giáo sư và sau này

giám đốc một trường sư phạm, giáo sư trường Hậu bổ. Ông dạy chữ quốc-ngữ và chữ nho.

Những bài học của ông soạn có phương pháp và rất công phu. Soạn xong, ông đưa viết tay rồi in, đóng thành tập. Ngày nay đem những sách ấy ra dùng còn hợp thời lắm.

Tiếc rằng trừ cuốn «sách dạy chữ quốc-ngữ soạn cho học trò trường thông ngôn» thì bình sinh ông, cũng như sau này, thân quyền của ông, không bao giờ nghĩ đến việc in ra nhiều bản để quyền sách được phổ thông.

Năm 1885 ông đứng lên tổ chức trường thông ngôn mà ông giữ quyền giám đốc cho đến 1888.

Ông đã soạn :

Sách dạy chữ quốc ngữ.

Mẹo luật dạy tiếng Phở lãng sa.

Sách dạy chữ nho.

Sơ học văn lân,

Thêm vào số sách giáo khoa ấy ta có thể kể thêm mấy cuốn địa dư và sử ký.

Từ trước, những sách sử viết phần nhiều chỉ là những tài liệu chép ra, thiếu sự xếp đặt và sự phê phán. Về xứ Nam kỳ thì ngoài cuốn *Gia đình thông chí* của Trịnh Hoài-Đức soạn và hồi *Nguyễn Sơ* mà người ta đã dịch ra tiếng Pháp thì không còn cuốn nào có thể gọi là một cuốn sử có giá trị.

Ông Trương Vĩnh Ký đã được đọc những bộ sử soạn theo phương-pháp khoa-học ở Âu-châu không thể nào ông lại để cho ta chỉ có riêng những bộ sử như trên.

Nhờ có sức nho học của ông, ông chọn lọc những tài liệu trong những tập sử biên niên, lịch sử ký sự chép bằng chữ nho.

Khi soạn, ông muốn cuốn sách của ông là một công trình nghệ thuật. Ông kể chuyện, tả phong tục, phê bình, bàn luận về chính trị và pháp luật...

Bắt đầu từ ông ta có thể nói rằng quốc-sử của ta không phải chỉ là lịch sử nhưng hành động của những vị vua chúa, chuyện những trận giặc nhỏ mà ảnh hưởng không xa hơn tiếng súng, mà là lịch sử kinh tế, phong tục, văn học, tư tưởng tất cả những cái có quan hệ đến đời sống của nước.

Ông đã làm cái công việc của một nghệ sĩ trình bày một tác phẩm.

Trong bài tựa cuốn sử ký, ông nói ông soạn cuốn sách ấy cho học trò, mục đích đem những chuyện nước nhà ra diễn bằng tiếng Pháp để học trò quen với tiếng Pháp.

« Dùng tiếng Pha-lan-ga là tiếng đã rộng mà lại hay mà chép chuyện đất nước ra cho anh em coi cho quen thuộc tiếng ấy, tiếng rằng lấy các tiếng anh em đang lo, học mới

thuật lại chuyện anh em đã biết thì sẽ giúp anh em cho dễ thông ý tứ léo lắt và hiểu rõ cốt cách tiếng ấy hơn».

(Nguyên văn của tác giả).

Nguyên văn chữ Pháp.

« En entreprenant de l'écrire, j'ai voulu vous familiariser avec cette riche et belle langue française par le récit de l'histoire de votre pays. J'ai espère que cet exposé de faits qui vous sont communs, dans une langue que vous appréciez, vous aidera à vous pénétrer plus aisément de toutes ses délicatesses, et vous permettra d'en saisir plus commodément le génie (Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse Cochinchine 1^{ère} édition — Saigon — Imprimerie G.G. 1875).

Ta có quyền hỏi có bao giờ ông có ý soạn một bộ sử bằng chữ Pháp cho người Pháp,—mà từ nay mình bỏ bước phải có sự giao thiệp — đọc để hiểu mình hơn...? Thưa các ngài đã có những thời—thời ấy đã qua—nước tôi là một nước có một lực lượng binh bị, đã có những hồi nước chúng tôi giàu, mạnh làm kiêu ngạo các lân bang.

Ngày 30-6-1880 trong một tờ trình đọc ở Á-châu học-hội, nói đến Trương vĩnh-Ký, nhà viết sử Ernest Renan nói: « Trương-vĩnh-Ký trình bày cho chúng ta biết một cách rõ

ràng những ý tưởng của người Việt-nam và lịch-sử của họ. Người ta phải ngạc nhiên khi thấy trong cuốn sách nhỏ của ông một tinh thần sáng suốt và một sự vô tư ít thấy ở những công trình có tính cách Á-đông. Nhiều nước ở Âu-châu không có cho những trường tiểu-học của họ một cuốn sách lược khảo có giá-trị như cuốn sách của ông Trương vĩnh-Kỳ.

Ngoài ra ông còn soạn mấy cuốn sách ngữ-phạm, một cuốn ngữ-phạm Pháp và một cuốn ngữ-phạm Việt-nam.

Đọc qua cuốn trên ta nhận thấy ngay rằng ông đã có ý soạn một cuốn sách hết sức giản dị để cho người Việt-nam dễ hiểu và dễ nhớ những điều phải học. Còn việc giải nghĩa, ông dành cho thầy giáo.

Ở cuốn ngữ-phạm Việt-nam, ta nhận thấy nhiều khuyết điểm. Ông đã dựa theo ngữ phạm của Pháp nhiều quá, thành thử có những sự gượng ép không thể tha thứ được dù ta có lòng rộng rãi đến đâu.

Nhưng ta phải lượng cho đó là một tác phẩm đầu tiên, làm thế nào mà đi tới sự hoàn hảo được.

Ta phải nhận ở đó một sáng tác có cái công dụng tạm thời, dạy cho người Pháp biết

tiếng ta chứ không phải là một sáng tác về từ ngữ

Và lại ta không bằng lòng cuốn ngữ-phạm là có ý chờ ở cái học uyên thâm của ông, thứ nhất là về từ-ngữ, một công trình xứng đáng hơn, chứ thực ra quyền của ông, không phải là không có giá trị. Ông đã chú ý đến hình thể, âm thanh của từng tiếng, ông phân tích từng phần tử của tiếng để viết và đọc cho đúng hơn.

Và tôi tưởng về phương-diện ấy, cũng đáng để ta nhắc đến cuốn ngữ phạm của ông rồi.

Năm 1887, ông được chính phủ tặng bội tinh của bộ giáo dục. Và sau này nhờ đến sự nghiệp của ông, chính-phủ Đông-dương đã lấy htiệu của ông đặt cho một trường Trung-học lớn nhất ở Nam-kỳ. Ngày nay ai đi ngang con đường Sài gòn — Chợ-lớn thấy một nhà trường nguy nga mang htiệu của ông, chắc phải nghĩ rằng : « lệnh tử của Nam-kỳ ấy, người đã hiến cả cuộc đời mình cho sự giáo dục của thanh niên đáng được cả thanh niên truy niệm và tìm ở công việc của ông một bài học quý giá ». (1)

(1) « Cet illustre enfant de la Cochinchine a bien mérité que la Jeunesse à l'éducation de laquelle il a consacré sa vie, conserve son souvenir et y trouve le meilleur des enseignements ».

(Trích trong bài diển văn của ông Roussel đọc ở trường Trung-học P. Kỳ ngày phát phần thưởng cuối năm — 1929-1930.

Nhà từ ngữ học

LƯC trong tủ sách còn lại của ông Trương-vĩnh-Ký ở nhà kỷ-niệm Chợ-quán, tôi đã được thấy những sách vở hoặc in, hoặc chép tay, dạy nhiều thứ tiếng trên thế giới. Trong những giấy má lộn xộn còn thấy nhiều tờ viết bằng chữ ngoại quốc xem có vẻ những lời của ông ghi chép khi học những thứ chữ ấy. Tôi hiện có trước mắt một mảnh giấy tuy một nửa đã bị một căn nát, một nửa thời gian làm mờ đi nhưng cũng đủ tỏ cho ta biết qua cái lối học của ông thế nào. Một tiếng ông đem phân tích ra làm nhiều phần tử, mỗi phần tử được gạch ở dưới bằng một số gạch khác nhau. Và xung quanh có những chữ nhỏ đọc không rõ nữa mà tôi đoán hoặc những lời chú thích, hoặc những tiếng có quan hệ về mỗi phần tử. Ta có thể quả quyết mà không sợ sai lầm lắm rằng với bất cứ một tiếng nào ông đã học, ông học bằng một lối rất có khoa

học trong ấy sự phân tích và sự tỉ hiệu phải được ứng dụng.

Lối học ấy, thứ nhất là cái trí quen thuộc với sự uyên bác, lúc nào cũng có xu hướng tìm đến cội rễ của mọi việc, đã tự nhiên đưa ông đến khoa từ-ngữ học.

Sự nghiệp về từ-ngữ của ông, nếu không kể những cuốn văn-phạm, những tập dạy các thứ tiếng Viễn-đông in tay, phần nhiều còn là bản thảo chưa hề đem ra in, hoặc còn là những dạng-bản sơ sài, có khi chỉ mới là những nhận xét ghi chép lộn xộn để dùng làm tài liệu cho những nghiên cứu sau này :

Những cuốn « Khảo cứu về từ ngữ thế giới ». « So sánh những tiếng ở Viễn-đông », « Nguyên gốc của mấy từ ngữ Xiêm, Lào, Cao-mên... » ngày nay chúng tôi chỉ được thấy tên sách ghi ở một vài nơi chưa được tự mình thấy những cuốn sách ấy.

Thành ra sự nghiên cứu cũng gặp nhiều sự khó khăn.

Về ông Trương vĩnh-Ký, nhà từ ngữ học, ông Bouchot, tác giả tập nghiên cứu về Trương tiên-sinh mà tôi đã trích nhiều lần, có nhắc lại một đoạn ký-ức của một người Anh, J. Thomson, trong ấy nhà du lịch nhắc một cuộc gặp gỡ với Trương tiên-sinh ở Sài-gòn.

« Ông Pétrousky (1) người Nam-kỳ có đạo thiên-chúa, giáo-sư dạy tiếng Việt-nam ở trường Hậu bổ Sai gon, là một nhân vật hãn hữu trong số người bản xứ mà tôi vừa có dịp cho bạn đọc biết một biểu tượng.

Trước ông theo học trường đạo ở Pinang và tôi không bao giờ quên được sự ngạc nhiên khi tôi được người ta giới thiệu với ông. Ông nói chuyện với tôi bằng tiếng Anh nói rất thông thạo hơi đá giọng Pháp, và bằng tiếng Pháp cũng không kém phần trong trẻo và phân lịch sự. Tiếng Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Ý cũng như những tiếng Á đông, ông đều thông thạo cả; vì cái trí thức kỳ dị của ông, ông đã chiếm được một địa vị cao. Một hôm tôi đến để thăm ông, tôi gặp ông đang làm về tập «*Phân tích tỉ hiệu những từ ngữ chính ở Hoàn-cầu*», tập nghiên cứu mà ông đã chăm chỉ làm hơn mười năm rồi. Xung quanh ông có bao nhiêu là sách hiếm và quý mà ông đã tìm kiếm được, phần ở Âu-châu, phần ở Á-châu. Trong buổi chiều hôm ấy có một vị đạo sĩ ở Chợ-lớn đến chơi, và khi tôi đứng dậy ra về, thấy các ông ấy tranh luận bằng tiếng la-tinh về một vài điểm trong thần học. Pétrousky có viết nhiều sách, trong số ấy có cả một cuốn ngữ-phạm Việt-nam, mà bài tựa là một trình bày tường tận về những liên lạc giữa những bình tự rất cổ và những chữ Việt-nam bây giờ».

Chuỗi ngày tàn

TỪ năm 1887, cái đời hoạt động của Trương Vĩnh-Ký đổi ra cái đời ảm-dật của một triết-nhân. Ông bắt chước người xưa ngồi ngẫm cuộc đời trời trước mắt.

Người ta có hỏi ông điều gì ông mới giải lời với tất cả lương tâm của một người hiền thời thế.

Công việc chính của ông, từ nay chỉ ở trong sự sửa lại những sách ông đã viết, nghiền ngẫm cho chín thêm những vấn đề triết-lý, đạo-lý, khoa-học mà ông đã cò dịp phớt qua từ trước và xuất bản dần những tác phẩm của ông.



Ta cũng nhăm những ngày còn lại đây là những ngày lý tưởng của ông. Cái an nhàn của ông chỉ là cái an nhàn bề ngoài mà thôi.

Sách của ông in ra bán không chạy nữa. tiền nhà in không đủ giả.

Đã phải phấn đấu với cuộc đời tinh thần, với tật bệnh lại còn phải phấn đấu với đời vật chất.

Tôi đã được đọc tập nhật-ký của ông chép những việc về quãng đời này. Không trang giấy nào là không mang dấu vết của cái nghèo, sự khổ tâm về hoàn cảnh, tật bệnh.

« Bị hai cái khánh tận, nhà in... nổi nhà... mất hơn năm sáu ngàn đồng bạc. Phần là sách vở bán không chạy, mắc nợ nhà in Rey et Curiol phần thì bị... phải bảo lãnh nợ cho nó hết hơn... Lại thêm phát... đau bư khi huyết... »

A thì ra cái nghèo lại là cái bệnh chung của những người suốt đời tận tụy cho lý-tưởng.

Cái nghèo ấy đã chứng rõ sự ngay thẳng của lòng và sự trong trắng của tâm hồn ông.



Đã từ lâu ông mang trong mình một tật bệnh nguy hiểm, kết quả của sự tận tụy cho nghề nghiệp của mình.

Hình như lương được sự « nan y » của bệnh ấy, ông vẫn lo và vẫn cố sức chống chọi với nó, hết thuốc tây đến thuốc ta, bệnh cũng không rút hãm, nghe lời thầy thuốc, ông đi du lịch, tìm những nơi khí hậu tốt để nghỉ ngơi...

Một hôm có một bà nhà quê xem lý số coi tay ông, nói ông còn sống lâu. Ông rất vui mừng, cái mừng của một người tuy tuổi đã cao, sức đã kiệt nhưng còn muốn sống để làm nốt những công việc chưa làm xong (1).

Cho đến ngày cuối cùng của tiên-sinh, khi nằm trên giường bệnh, giữa con cháu đông đủ, trước khi thở hơi cuối cùng, tiên-sinh còn cầm bút gạch trên một mảnh giấy. Tiên-sinh còn muốn nói gì ?

Về một công việc làm của tiên-sinh đây.

Đáng quý thay, tâm hồn ấy ! Khi phần xác đã tẻ liệt, phần hồn còn muốn phấn đấu cho đời.

Tiên-sinh đã từ trần năm 1898, ngày mồng một tháng chín tây.

Quanh quanh quần quần lối đường quai.

Số đầy người vô giữa cuộc đời

Học thức gửi tên con sách nát,

Công danh rút cục cái quán tài,

Dạo hồn lữ kiến men chơn bước,

Bò sổi con trùng chắc lưỡi hoai.

Cuốn sổ bình sinh công với tội,

Tìm nơi thăm phán đề thừa khai. (2)

(1) Theo lời chép trong tập nhật ký của Trương-Vinh-Ký còn gửi ở nhà kỷ niệm C. Q.

(2) Bài thơ ông làm đề tóm tắt đời mình.

Kết luận

Sĩ quân tử làm cho đời quý trọng chẳng gì bằng cang thường
— (trích bức thư của Đồng-Khánh gửi cho Trương Vĩnh-Ký)

TÔI đã được đem giới thiệu với bạn đọc, ông Trương Vĩnh-Ký, nhà chính-trị, nhà cổ-học, nhà sư-phạm, nhà khoa-học, nhà từ-ngữ học. Tôi tưởng đã có lúc lạm dụng cái tính tò mò của bạn đọc đem vạch cả những cái tử mỉ trong đời của Trương tiên-sinh.

Đề chuộc lại, tôi muốn, trước khi đặt dấu chấm hết cho tập nghiên cứu này, được cùng bạn đọc lui xa cái đối tượng của ta, đem con mắt tổng hợp ra mà ngắm, nhận lấy lần cuối cùng một vài nét quan hệ, thứ nhất là nhận lấy cái tinh thần của những nét ấy.

Đời Trương tiên-sinh đã là một cái đời kiểu mẫu xây trên sự cần lao, lòng tin tưởng, lòng kiên nhẫn.

Người ta nghi ngờ tiên sinh, nhưng tâm hồn tiên sinh trong trắng quá.

Tiên sinh lặng lẽ nhìn thời thế xem phải làm thế nào để lợi cho nhà, cho nước, khi đã nhận thấy rồi, lại lặng lẽ mà phụng sự quốc-gia, mặc cho người đời dị-nghị.

Sự đổi thay đã bó buộc ta phải có, sự giao thiệp với người Pháp, làm việc cho quốc gia, tiên-sinh thành thực ra bắt tay người Pháp để đem lại cho nước mình nhiều lợi hơn.

Mà tiên-sinh giúp việc riêng gì cho ông Toàn-quyền Paul-Bert. Những lời ghi chép, những bức thư của tiên-sinh còn đây, nó đủ đảm bảo cho những cái gì thiêng liêng nhất của đời tiên-sinh.

Làm việc cho quốc-gia, tiên-sinh đem cái quý cái hay của mình đặt ra ánh sáng để cho người lượng sự giàu có của nước mình, cái mãnh lực của dân tộc mình. Vì vậy tiên-sinh đã là nhà địa-dư học, nhà sử-học.

Mỗi mẫu đất phì nhiêu ở Nam-kỳ là một mầm sống, mỗi một mẫu lịch-sử là một gương sống của mình.

Làm việc cho quốc-gia, tiên-sinh đã đặt tất cả hy-vọng vào dân thanh-niên, tạo cho thanh-niên một nền giáo dục mới, một cuộc đời sống mới lấy đạo đức, nghĩa vụ... làm căn bản.

Còn gì trong sáng hơn.

Trong đô-thành văn-học với tất cả nghĩa rộng của hai tiếng này — tiên-sinh đã là người đi bước đầu trong công việc trước tác theo một tinh thần mới.

Tiên-sinh đã là, tôi nhắc lại đây, một nhà cổ-học, cái sự nghiệp của tiên-sinh đã gắn lên cánh tay tiên sinh dấu hiệu phân biệt một tên lính tiên phong trong hàng ngũ những nhà cổ học Việt-Nam. Lịch-sử văn-học Việt-Nam không thể bỏ qua những bản Lục-Ván-Tiên, Kim-Vân-Kiều chép lần đầu tiên bằng quốc ngữ của tiên-sinh.

Tiên-sinh đã là một nhà từ-ngữ học ; không kể những thiên khảo-cứu viết ra để góp vào cái sự nghiệp bác-học của thế giới, với những cuốn văn-phạm soạn ra để minh định những khuôn phép của tiếng ta, với những cuốn từ-điển có thể làm giàu cho tiếng ta bao nhiêu danh từ chưa từng có, với sự hoạt động trong chính giới, trong học giới, để truyền bá chữ quốc-ngữ, hy vọng sau này chữ quốc-ngữ sẽ trở nên quốc văn chính thức của ta. Với bấy nhiêu, tiên-sinh đã là một người có công lớn với tiếng nước nhà.

Tiên-sinh là bậc nguyên huân của cái thời đại văn chương mới ngày này.

Sở dĩ tiên-sinh đã chiếm được cái địa vị quan trọng trong sử học Việt-Nam, là vì tiên-

sinh đã có chí ham làm việc có một không hai. Học dễ thông thạo hơn mười thứ tiếng có phải đâu là công việc mà một trí thông minh, dù là xuất-chúng có thể làm được trong một nhúm thời gian. Soạn bao nhiêu cuốn sách, có cuốn phải làm đẳng đẳng trong mười năm, có phải đâu công việc của một người không có lòng kiên nhẫn.

Tiên-sinh đã làm việc, làm việc để toại chí nguyện của mình, để giúp ích cho nhà và cho nước.

Tiên-sinh đã coi sự làm việc như một bổn phận thiêng liêng, đã tôn sùng sự học như tôn sùng một đạo giáo.

Kết quả sự làm việc ấy đã đặt tiên-sinh lên địa vị một nhà bác-học có một không hai, ở Univercule Viễn-đông, một nhà bác-học mà các nhà học giả Âu-châu đã đặt vào hạng toàn cầu bác học thập bát quân tử

« Và bây giờ — như ông Nguyễn văn-Tổ đã nói trong một bài nghiên-cứu về Trương tiên sinh — nếu ta được nhìn giờ lại, và đề rút ở cái đời Trương tiên-sinh một bài học, thì trước hết là một bài học quý giá về lòng tin tưởng ở sức mạnh của lòng cương quyết. Sự tin tưởng đã thắng hết thảy những sự cản trở, miễn là sự tin tưởng ấy bền bỉ và quả quyết.

« Thật là đẹp đẽ, cái đời cần lao của tiên-sinh ! Đời ấy đã làm vinh dự và cho cái làng đã dẫn sinh ra tiên sinh, và cả nước Việt-Nam đã được tiên-sinh di lại cho cái kết quả của sự nỗ lực lớn lao của tiên-sinh ; phần của mọi người là phải sưu tầm ở trong những tàn biên của tiên-sinh và trong mở kỷ ức của những người đã được sống gần tiên sinh, tất cả những cái có thể cho ta biết, dưới ánh thực, cái đời của tiên-sinh, cái đời sống mà ta có thể tóm tắt trong ba tiếng :

Học vấn, lương tâm và khiêm nhường.

(Maintenant, s'il est permis de jeter un regard en arrière et de tirer une leçon de cette vie, c'est d'abord une belle leçon de confiance dans la force de la volonté ; elle triomphe de tous les obstacles, pourvu qu'elle soit persévérante et obstinée..

Sa vie laborieuse a été vraiment une belle vie. Elle a honoré et le village qui lui a donné naissance et l'Indochine annamite tout entière à qui il lègue le profit de son immense labeur, c'est pour tous un devoir de recueillir dans ses écrits épais et dans les souvenirs de ceux qui l'ont vu de près, tout ce qui peut nous faire connaître, sous son vrai jour, cette vie que l'on peut résumer en trois mots : science, conscience et modestie).

Nguyễn-văn-Tố

Sự nghiệp trước-tác của Trương vĩnh-Ký (1)

CHUYỀN ngày xưa, lựa chọn lấy những chuyện hay và có ích. In ra lần đầu hết. Saigon. Bản in nhà nước. 1866 — in-8°) 74 trang.

— Abrégé de grammaire annamite. P.J.B. Trương vĩnh-Ký.

— Cour pratique de langue annamite : P.J. B. Trương-vĩnh-Ký Directeur et professeur du Collège des Interprètes Saigon — imprimerie Impériale, 1868. In. 4°) 69 trang.

— Mẹo luật dạy học tiếng Pha lang sa. Tóm lại văn tắt để dạy học trẻ mới nhập trường,

(1) Soạn theo những tài liệu trong P. Trương-vĩnh-Ký, Erudit Cochinchinois, Dictionnaire biographique. Sách vở đã xuất bản của T.V.K. hiện có ở thư viện Trung ương và Bắc cở Viễn đông. Tài liệu ở gia đình Trương vĩnh-Tổng.

có hội đồng các quan coi lại. P.J.B. Trương vĩnh-Ký Paris Challamel ainé. 1872 in 8°) trang.

— Chuyện đời xưa lựa chọn lấy những chuyện hay và có ích. In ra lần thứ hai. Saigon — Bản in nhà nước. 1873 in 8°) 56 trang.

— Cours pratique de langue annamite par M. Prétrus Ký Saigon, Collège des stagiaires-1874, in 5°) viết tay.

— Kim-vân-Kiên Poème transcrit pour la première fois en quốc ngữ avec des notes explicatives précédé d'un résumé succinct du sujet en prose et suivi de quelques pièces de vers relatives à la même histoire, 1875.

— Petit cours de géographie de la Basse Cochinchine par P.J.B. Trương vĩnh-Ký Saigon. Imprimerie du Gouvernement. 1875 in-8°) 51 trang.

— Đại-Nam sử-ký điển-ca ; 1875.

— Cours de langue mandarine ou de caractères chinois par M. Pétrus Ký. Saigon. Collège de stagiaires in f°) viết tay. 1875.

— Cours de langue annamite par P.J.B. Trương-vĩnh-Ký. Một tập viết tay, in-4°) 199 tờ, 1875.

— L'Invariable milieu transcrit en caractères latins et traduit en annamite vulgaire, par M. Pétrus Ký. Saigon' Collège des stagiaires. 1875 in 5°. Viêt tay. 205 trang.

— Manuel des Ecole primaires ou simples notions sur les sciences à l'usage des jeunes élèves des école de l'Administration de la Basse Cochinchine par P.J.B. Trương-vĩnh-Ký — Cuốn thứ nhất : syllabaire quốc ngữ. Histoire annamite. Histoire chinoise. Saigon. Imprimerie du Gouvernement. 870 in-8°) 364 trang (quốc ngữ).

-- Mạnh thượng tập chí — in-f° 797 trang.

— Sơ học vấn tân, Répertoire pour les nouveaux étudiants en caractères chinois. 1877.

— Đại học, chữ nho dịch ra quốc ngữ tựa chữ pháp, ký tên, P. Trương-vĩnh-Ký. Saigon 5 Octobre 1877 in-f° Viêt tay 89 trang

— Conars d'histoire annamite à l'usage des élèves de la Basse Cochinchine par P.J.B.

Trương-vĩnh-Ký Saigon. — Imprimerie du Gouvernement 1875. Cuốn thứ nhất từ Hồng-Bàng đến Hậu Lê (2784) trước T. C. đến 1428 sau T. C. in-12. 278 trang. Cuốn thứ hai xuất bản năm 1877. Từ Hậu Lê đến Nguyễn (1428-1775) in-12.

— Trương Lương tòng Xích Tùng Tử du phú P.J.B. Trương-vĩnh-Ký Saigon C. Guillaud và Martinon 1881. in 8°, 327 trang (t.v.u.t.

— Chuyển đi Bắc-kỳ năm Ất-Hợi (1876) P. J. B. Trương Vĩnh-Ký Saigon C. Guillaud và Martinon 1881. In-8°, 32 trang.

— Bất cương. Chớ cương làm chi Fais ce doit advenir que pourra P.J.B. Trương-vĩnh-Ký Saigon C. Guillaud et Martinon 1882. in-8° 80 trang. In lần thứ hai — Saigon — Bản in nhà hàng C. Guillaud et Martinon. 1885 in 8° 8 trang.

— Kiếp phong trần — Evènement de la vie 1882 (năm 1885 có tái bản do nhà C. Guillaud et Martinon).

— Huấn nữ ca. Của Đặng-Huỳnh và Trương-vĩnh-Ký cùng làm. Saigon. Martinon—1812— in-8° 36 trang.

— Thơ dạy làm dâu. La Bru — P. J. B. Trương-vĩnh-Ký, chép ra quốc ngữ và dẫn giải — Saigon, bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon. 1882 in-8° 13 trang.

— Chuyện khôi hài P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon. Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon 1882 in-8° 16 trang.

— Gia đình phong cảnh vịnh, Gia đình thất thủ vịnh. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký, chép ra chữ quốc ngữ và dẫn giải, Saigon. Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon 1882 in 8° 16 trang.

— Kim Gia đình phong cảnh vịnh P. J. B. Trương-vĩnh-Ký, chép ra quốc-ngữ và dẫn giải. Saigon Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon, in 8° 11 trang.

— Trương-Lưu hậu-phú. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải. Saigon Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon 1882 — in 8° 17 trang

— Thơ mẹ dạy con. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký. Saigon C. Guillaud và Martinon, 1882 in 8° 27 trang.

Sách tập nói chuyện tiếng An-nam và tiếng Lang sa P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon C. Guillaud và Martinon, 1882 in 8° 116 trang.

— Lần thứ hai — Saigon — Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon 1885, in 8° 118 trang.

— Gia quán ca — P. J. B. Trương-vĩnh-Ký chép ra chữ quốc-ngữ và dẫn giải Saigon. Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon 1883 in-8° 44 trang.

— Học trò khó phá P. J. B. Trương-vĩnh-Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải Saigon. Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon 1883 in-8° 6 trang.

— Thành suy bỉ thời phú, P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon. Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon ; 1883 in-8° 7 trang.

— Phép lịch sự An-nam P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon. Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon ; 1883 in-8° 55 trang.

— Chuyện đời xưa kia, nhân lấy những chuyện hay và có ích. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký, in lần thứ ba. Saigon. C. Guillaud và Martinon, 1883, in-8° 66 trang.

— Thầy trò về luật mẹo léo lắt tiếng Phang-sa, hàng C. G. và M. 1883 in-8°, 23 trang.

— Grammaire de la Langue annamite P. J. B. Trương-vĩnh-Ký — Saigon — Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon. 1883 — in-8° 304 trang.

— Catalogue des ouvrages édités et publiés jusqu'à ce jour par P. J. B. Trương-vĩnh-Ký, à l'usage des élèves de la Cochinchine Saigon. Bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon, 1884, in-8° 4 trang.

— Huấn mộng khúc ca. Sách dạy trẻ nhỏ học chữ nho. Âm ra chữ quốc-ngữ, giải nghĩa tiếng An-nam và tiếng Phang-sa P. J. B.

Trương-vĩnh-Ký. Saigon. Imprimerie de la Mission. 1884, in-8° 47 trang.

— Tam tự kinh quốc ngữ diễn ca P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon. Imprimerie C. Guillaud và Martinon, 1884, in-8° 47 trang.

— Petit dictionnaire Français - Annamites. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký, Saigon, Imprimerie de la Mission, Tân-định, 1884, in-8° 1192 trang.

— Sơ học vấn tân quốc ngữ diễn ca P.J.B Trương-vĩnh-Ký — Saigon — C. Guillaud và Martinon. 1884, in-8° 36 trang.

— Bài học con quạ, P. J. B. Trương-vĩnh-Ký, chép ra chữ quốc ngữ, dẫn giải cắt nghĩa. Saigon, bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon 1883, in-8° 7 trang.

— Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs, Conférence faite au Collège des Interprètes. M. Trương-vĩnh-Ký Saigon. Imprimerie Coloniale. 1885, 30 trang.

— Ngự tiền trường diện P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon — Imprimerie de la Mission 1885 — in-8° 8 trang.

— Phú hân truyện diễn ca P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon, bản in nhà hàng C. Guillaud và Martinon ; 1885, in-8° 44 trang.

— Cờ bạc nha phiến. Bảng tiếng thường và vần thơ P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon

Imprimerie de la Mission, 1885, in 8° 82 trang.

— Mắc bệnh cúm từ P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon Imprimerie de la Mission, in 8° 8 trang.

— Cours d'Annamite aux élèves européens giải nghĩa Lục-vân-Tiên, 1886. Chép tay.

— Lục súc. Les six animaux domestiques P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon Imprimerie de la Mission, 1887, in-8° 22 trang.

— Lục súc tranh công P. J. B. Trương-vĩnh-Ký biên ra chữ quốc ngữ cùng chủ giải Saigon Imprimerie de la Mission, 1887, in-8° 43 trang.

— Dư đồ thuyết lược P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Tân-định (Saigon) Imprimerie de la Mission — 1887 — in-8° 116 trang và 8 địa đồ.

— Vocabulaire Annamite—Français—Mots usuels, mots techniques et termes administratifs P. J. B. Trương-vĩnh-Ký. Saigon. Bản in nhà hàng Rey et Curiol, 1887, in-8° 191 trang.

— Ước lược chuyện tích nước An-nam. Résumé sommaire de la chronologie de l'histoire et des productions de l'Annam avec ses tableaux synoptiques P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon—Bản in nhà hàng Rey et Curiol, 1887, in-8° 31 trang.

— Tam thiên tự giải âm. Tự học toát yếu. Livre élémentaire de 3000 caractères usuels, avec traduction en annamite vulgaire transcrit en quốc-ngữ et traduit en français P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon Rey et Curiol 1887, in-8° 71 trang.

— N. 1 Miscellannées en lectures instructives pour les élèves des écoles primaires communales et cantonales P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon Imprimerie commerciale Rey et Curiol, 1888, in-8° 11 trang.

— Chuyện đời xưa lựa. Nhân lấy những chuyện hay và có ích. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký — In lần thứ 4 — Saigon — Bản in, nhà hàng Ang. Bock, 1888, in-8° 66 trang.

— Lục-vân-Tiên truyện. Poèmes populaires annamites transcrits en quốc-ngữ, précédés d'un résumé analytique du sujet de chacun d'eux. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon. Imprimerie A. Bock 1889, in-12° 79 trang.

— Tứ thơ — Quatre livres classiques, N° 1 Đại học 大學 Grande Etude. Texte en caractères avec transcription en quốc-ngữ. Significations mot à mot et en regard traduction littérale. Traduction en bon Annamite et Analyse raisonnée en langue vulgaire P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon, Imprimerie commerciale Rey et Curiol 1889, in-8° 71 trang.

— **Tứ thư.** Quatre livres classiques. N^o 2 Trung-dong Juste et invariable Milieu. Texte en caractères avec transcription en quốc-ngữ. Signification mot à mot et en regard traduction littérale. Traduction en bon annamite et Analyse raisonnée en langue vulgaire. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon Imprimerie commerciale Rey et Curiol, 1889, in-8^o, 137 trang.

— **Phan Trần truyện.** Poèmes populaires annamites transcrits en quốc-ngữ, précédé d'un résumé analytique du sujet de chacun P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon Imprimerie A Bock, 1889 in-8^o 45 trang.

— **Minh tâm Bửu-giám,** le précieux miroir du cœur. Texte en caractères traduit et annoté en annamite P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon Imprimerie Rey et Curiol et Cie 1891-1893, 2 tập, in-8^o 135 trang và 143 trang.

— **Lục-Vân-Tiên truyện,** in lần thứ tư, coi lại, sửa và thêm chú giải chỗ khó và Truyền-Tích nữa. Poèmes populaires annamites transcrits en quốc-ngữ, précédé d'un résumé analytique du sujet de chacun P. J. B. Trương-vĩnh-Ký Saigon. Claude et Cie 1897 in-8^o 100 trang.

— **Poèmes Kim-Vân-Kiều truyện** transcrit pour la première fois en quốc-ngữ avec des

notes explicatives et historiques P. J. B. Trương-vĩnh-Ký, Revu, corrigé et augmenté, 2^e édition — Saigon — Claude et Cie, 1898, in-8. 191 trang.

— Cờ bạc nha phiến, bằng tiếng thường và văn thơ. P. J. B. Trương-vĩnh-Ký 2^e édition, Saigon, Imprimerie de la Mission 1896 in-8. 78 trang.

— Petit dictionnaire Français Annamite par P. J. B. Trương-vĩnh-Ký professeur de Langues orientales, Chevalier de la Légion d'honneur, Officier de l'instruction publique. Nouvelle édition, ornée du portrait de l'auteur, illustrée de 1250 gravures extraites du Petit Larousse illustré, Saigon F. H. Schneider. 1911, in-8.

— Loại chim. Khảo cứu chưa đầu đề về loại chim. Quốc-ngữ. Chưa hề in. Bản thảo giữ ở nhà thờ Chợ-quán.

Etude sans titre sur le mariage en Annam. Chữ Pháp. Chưa hề in. Bản thảo giữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Dạng bản một nghiên cứu về canh nông ở Annam Chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Trương-vĩnh-Ký. Khảo cứu về «Muồng». Chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Trương-vĩnh-Ký. Nhứt trình :

- 1.— Gia đình thất thủ thơ : 96 câu 6 --8
- 2.— Đồng tranh thơ : 146 câu 6 --8
- 3.— Tơ một người kia đi tây : 52 câu 6 --8
- 4.— Cư sĩ giải thể ngâm : 74 câu 7—7-6-8
- 5.— Lễ trao hoàng hậu văn : 164 câu 7—7-6-8
- 6.— Vợ gửi thơ cho chồng đi lính
: 76 câu 7—7-6-8

Chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Trương-vĩnh-Ký. Khảo cứu về « Trái cây ». Chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ tại nhà thờ Chợ-quán.

— Etude sans titre sur « les langues de la Péninsule indochinoise » Trương - vĩnh - Ký, chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

Trương-vĩnh-Ký. Notice sur l'appréciation de la Civilisation européenne par les lettrés orientaux. Chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Mémoire sur les droits de l'Annam dans la Vallée du Mékong. Bản thảo chưa viết xong. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Trương-vĩnh-Ký. Thơ làm chữa dở. Đời vua Thiệu-Trị. 49. câu. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Trương-vĩnh-Ký -- Nguyễn-Đạt, Nguyễn

Sanh truyện, 262 câu, 6-8 và một câu làm dở mới có hai chữ.

— Khảo cứu về Bích câu kỳ ngộ.

Nói về tập Bích-câu 2 tờ

Tập Bích câu 29 tờ

chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Văn tế. Chép ra quốc ngữ và dẫn giải do Trương-vĩnh-Ký. Chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

— Trương-vĩnh-Ký. Luật làm thơ.

1.- Lời nói đầu 2 tờ

2.— Phép đời 5 tờ

3. Làm văn làm thơ, 13 tờ

4. — Thi văn làm trong các kỳ thi.

Chưa hề in. Bản thảo do tác giả chép tay. Hiện tàng trữ ở nhà thờ Chợ-quán.

HẾT

QUỐC SỬ DIỄN CA DẪN GIẢI

Quốc-sử diễn-ca, một quyển sử viết bằng thể văn vần lục bát của Lê Ngô-Cát đời Tự-Đức, lâu nay ai cũng đồng thanh khen ngợi là một áng danh văn. Với quyển sử này, với cái chính-đại đường-hoàng của lời sử-bút trong quyển này, chúng ta càng phải thêm tin cái khả năng của quốc-văn, quốc-văn có đủ tư-cách là một thứ văn-tự chính của một dân-tộc trong thế-giới.

Người trong nước ai cũng cần biết sử của nước, mà sử viết bằng quốc-ngữ và vận-văn lại càng dễ đọc tiện nhớ biết chừng nào. Nay quyển sử ấy có bản dẫn-giải của ông Nguyễn Đỗ-Mục, lại càng tiện lợi cho người đọc biết mấy. Vậy tưởng người nước, nhà nào cũng nên có một quyển, để lấy nó làm một lọ hương trên bàn thờ tổ quốc.

Quyển Quốc sử diễn ca dẫn giải sẽ ra vào ngày 1^{er} Octobre 1943.

Tùng sơn

Cảnh Lạt-sơn

Từ tỉnh lỵ Hà-nam đi về phía tây nam, qua con sông Hát, ước độ ba, bốn cây số thì đến làng Lạt-sơn. Làng này ở ngay chân núi, mà sơn-phận của làng, có một cái thung lũng rất đẹp.

Tháng mười hai năm 1928, một hôm tôi cùng bạn Nhượng-Tổng đến chơi thăm cái thung-lũng ấy, vì bấy giờ đương định đi tìm đất làm nghề chăn nuôi. Thung lũng này rộng ước trên trăm mẫu ta, phía trước cách một cái suối và một dãy núi thì ra đến đồng bằng, còn phía sau và hai phía là hữu thì núi đá bao quanh, cao ngất tưng mây, thiên trùng vạn điệp, không biết đến đâu là chỗ hết. Thế thể cái thung này cao rộng mà kín đáo, chẳng khác như một nơi thiên phủ hiểm cố, một chốn tiên cảnh tuyệt trần. Chúng tôi do cái suối mà đi thuyền vào, vạch lau lách cỏ, lên núi xuống đèo, nhìn ngắm núi non chung quanh thì cỏ cây xanh muốt một màu, chỗ nọ thung thỉnh một vài anh tiêu, chỗ kia thấp thoáng dăm ba cậ mục, một bức tranh thiên nhiên đẹp tuyệt, làm cho chúng tôi thần mê chí dăng, hoảng nhiên như thân lạc vào chốn đảo nguyên. Thung này người ta đương khai phá dở, nhưng đất hoang cũng hãy còn nhiều. Cả khu rộng ấy chỉ có mỗi một gia đình vào dựng nhà ở làm nghề chăn nuôi và giồng

giọt. Chúng tôi có đến chơi thảo-trang, được chủ nhân tiếp đãi ân cần lắm. Trong khi trò chuyện, biết chủ nhân là người có học, nhưng nói năng ra vẻ chán đời, có lẽ là một bậc hiền giả tỵ thế đó chăng? Cuộc đi chơi này, chúng tôi lấy làm một cuộc thắng du; tôi và bạn, mỗi người có làm một bài thơ ký sự:

Vượt suối trào dề dắm quán công,
 Dừng chân ta đứng lại ta trông.
 Muôn từng vách đá ngăn giới biếc,
 Bốn mặt đường mây tuyết hui hồng.

Cỏ cây buồn thấy cảnh sang đông.
 Nguồn đào chẳng phải lòng không mẩn,
 Tắc dạ thương đời bỏ chẳng xeng.

Của N.1.

Một mái chèo đưa khách viễn lai,
 Nước non như có hẹn hò ai.
 Lưng mây thấp thoáng tiêu đóm bầy,
 Mỏm đá cheo leo mục một vài.
 Dật-glã phải chăng vì chán tục?
 Ngu-công riêng những thẹn vô tài.
 Nghìn trùng quyết đạo lên từng biếc,
 Thử với trời xem cách mấy mươi.

Của T.K.

TRÚC-KHÉ

Thi đàn

山居 SƠN CƯ

北海無由覓渡船
Bắc hải vô do mịch độ thuyền,
窮荒淹滯欲經年
Cùng hoang yếm trệ dục kinh niên
釘山日暮歸寒鳥
Đinh sơn nhật mộ quy hàn điểu
道邑春殘泣野鶻
Đạo ấp xuân tàn khấp dã quỳên
塵慮難拋青樹外
Trần lự nan phao thanh thụ ngoại
孤蹤暫止碧雲邊
Cô tung tạm chỉ bích vân biên
吁嗟世事天難問
Hu ta thế sự thiên nan vấn
悵望神洲淚泫然
Trướng vọng thần châu lệ huyễn nhiên

1939

竹溪 TRUC-KHÊ

Ở NÚI

Toan qua bể Bắc, không thuyền,
Rừng hoang lẫn lửa hầu quên tháng ngày.
Non Đanh chim tối về đây,
Xuân tàn xóm Đạo quắc gầy kêu thương
Ngàn cây khèn dập lo lường.
Đón mây ngừng tạm bước đường phiêu linh.
Việc đời khó hỏi ông xanh,
Thần-châu ngoảnh lại, long lanh giọt sầu.

Tác giả tự dịch

Tiền sử cụ Nguyễn đình-Chiều

(tiếp theo)

Đã 22 tuổi, trót mang tiếng dĩnh ngộ thông-minh, hơn mười năm đèn sách công trình mà chỉ đỗ tú-tài, Nguyễn-đình-Chiều' sao được hài lòng. Dẫu tuổi đã lớn, dẫu có chỗ đính hôn, ông tú Chiếu cũng không lo bề gia thất, cố xin cha mẹ cho trở ra Thừa-thiên để ở gần thầy hay. Ở chỗ nhiều sách mà rần ôn nhuần kinh sử hầu giục cho được chân cử nhân để được đi thi hội, để được đi xa nữa. Ông ra đi vừa năm 22 tuổi, có đem theo đề đồ tay chân, người em thứ bảy tên Nguyễn đình-Tự mới vừa mười cái xuân xanh.

Đầu năm Kỷ-dậu (1849) Tú Chiếu càng hăng hái học hành, vì đã sắp tới kỳ thi hương ở trường Thừa(1). Từ khi đỗ Tú-tài, luôn sáu năm đèn sách, phen này Chiếu quyết đậu cao, không những cao ở hàng Cử-nhân, mà còn muốn cao ở hàng Tân-sĩ của khoa Canh-tuất.

Bỗng một tin sét đánh làm nát cõi lòng ông Tú, làm tan cả cái mộng lớn lao của ông là lấy «bái tổ vinh quy» để đáp nghĩa «sinh thành cúc dục». Tin ấy là tin mẹ ông đã qua đời từ ngày rằm tháng

(1) Mọi điều lạ: Từ Quý-mão (1843) tới Kỷ-dậu (1849) đã có ba khoa thi: Bính-ngọ (1846) Đinh-vị Ấn-khoa (1847) và Mậu-thân Ấn-khoa (1848) mà sao cụ không thi lại chờ năm Kỷ-dân?

NHÀ VĂN HIÊN ĐẠI

của **VŨ-NGỌC-PHAN**

Toàn bộ 5 quyển, đã xuất bản hai quyển :

A. — Các nhà văn lớp đầu :

QUYỀN I : Những nhà văn hồi mới có chữ quốc ngữ. — Nhóm « *Đông-Dương Tạp-Chí* » — Nhóm « *Nam-Phong Tạp-Chí.* »

QUYỀN II : Những nhà văn độc lập :
a—Biên khảo ; b—Tiểu-thuyết ; c—Thi-ca.

Đang in quyển thứ III :

B. — Các nhà văn lớp sau :

QUYỀN III : Các nhà viết bút ký, lịch sử, phóng sự, khảo cứu và phê bình — Các kịch gia và thi gia.

Quyển I : 2\$ — Quyển II : 2\$50

MỜI IN LẠI

CÙNG OAN NGAM KHÚC DAN GIAI

của **ĐÌNH XUÂN-HỘI**



TỦ SÁCH TAO ĐÀN

Bản thường giá : 0\$50

Bản đặc biệt lụa đỏ : 2\$50

đã được Hội-đồng duyệt sách công nhận làm sách giáo khoa

Phô Thông Chuyên San *in trên giấy dó pha*

mỗi tháng xuất-bản một số
mỗi số là một Chuyên san
văn học, sử học hay triết-học

mục đích là phổ thông tri thức, gây dựng một
kho tài liệu thiết yếu cho tủ sách người học thức.

Juillet : LỤC VĂN TIÊN DẪN GIẢI 1\$50

Août : TRẦN THỦ ĐỘ (truyện danh nhân) 0.80

Sept : TRƯƠNG VINH-KÝ (khảo cứu của
Lê-Thanh)

ĐÓNG SÁCH

bằng gấm và
đủ các mẫu
Đẹp — Trang nhã.

Nhà sách NGUYỄN KHÁNH ĐÀM

12, Phố Sabourain — Saigon

Agr. risé (publication créée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1941)